

Số: 258/BC-CTK

Hà Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ III VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Trong 9 tháng đầu năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, phục hồi kinh tế diễn ra chậm, chưa vững chắc. Ở trong nước, nền kinh tế có độ mở lớn, quy mô khiêm tốn, năng lực cạnh tranh quốc tế còn hạn chế và tiếp tục chịu tác động mạnh bởi các diễn biến của tình hình thế giới cùng với tình hình thiên tai, khí hậu biến đổi thất thường, bão Yagi đổ bộ vào các tỉnh miền Bắc nước ta trong tháng Chín đã gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản và sản xuất, kinh doanh tại các địa phương miền Bắc. Trước tình hình đó Cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh đã chủ động triển khai kịp thời nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, phục hồi kinh tế; tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, giải ngân đầu tư công; chú trọng xử lý các vụ việc tồn đọng; chăm lo đời sống an sinh xã hội; giữ vững quốc phòng, an ninh, tăng cường hoạt động đối ngoại.... Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2024 tiếp tục duy trì và đạt được kết quả khả quan trên các lĩnh vực như: Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định; hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển tốt, tỉnh đã và đang triển khai nhiều giải pháp để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, du lịch và tăng cường xúc tiến thương mại biên mậu; sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất điện năng. Qua theo dõi và tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang báo cáo kết quả đạt được trên một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

#### I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

##### 1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý III năm 2024 ước tăng 7,96% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,39%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 11,90% (ngành công nghiệp tăng 19,08%; ngành xây dựng tăng 0,55%); khu vực dịch vụ tăng 6,80%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,47%. So sánh với 14 tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, tỉnh Hà Giang xếp thứ 8/14 tỉnh trong khu vực.

Tính chung 9 tháng năm 2024, GRDP ước tăng 6,97% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6,97% tăng trưởng, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,61%, đóng góp 1,31 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công

ng nghiệp và xây dựng tăng 8,11%, đóng góp 2,04 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực dịch vụ tăng 7,10%, đóng góp 3,26 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,45%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. So sánh với 14 tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, tỉnh Hà Giang xếp thứ 11/14 tỉnh trong khu vực (đứng trước 03 tỉnh: Bắc Kạn; Thái Nguyên, Lạng Sơn). Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

### **Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 9 tháng đầu năm 2024**

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh 2010		
	Ước tính kỳ báo cáo (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Ước tính kỳ báo cáo (Tỷ đồng)	Tốc độ tăng GRDP (%)	Đóng góp điểm phần trăm vào GRDP(%)
<b>GRDP</b>	<b>23.912,4</b>	<b>100,00</b>	<b>11.701,2</b>	<b>6,97</b>	<b>6,97</b>
- Nông, lâm nghiệp & thủy sản	5.451,0	22,80	2.696,4	5,61	1,31
- Công nghiệp- Xây dựng	6.432,5	26,90	2.975,6	8,11	2,04
- Dịch vụ	10.707,9	44,78	5.377,3	7,10	3,26
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	1.321,0	5,52	651,9	6,45	0,36

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 5,61% so với cùng kỳ, trong đó: Ngành nông nghiệp tăng 5,92%; ngành lâm nghiệp tăng 3,11%; ngành thủy sản tăng 6,31% so với cùng kỳ. Kết quả tăng trưởng nhóm ngành NLN&TS ổn định và đạt khá do các địa phương đã quyết liệt trong chỉ đạo, chủ động, linh hoạt trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh thâm canh, đưa giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, tập trung vào các cây trồng chủ yếu (lúa, lạc, đậu tương, rau quả, cam, chè...) đảm bảo năng suất và sản lượng, nâng cao giá trị canh tác trên đơn vị diện tích.

Khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt tăng 8,11% so với cùng kỳ, (ngành công nghiệp tăng 8,92% và ngành xây dựng tăng 7,0%). Trong 9 tháng đầu năm 2024 ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục gặp khó khăn, một số mỏ đang tạm dừng khai thác do chưa hoàn tất các thủ tục cấp phép và thủ tục đầu tư cũng như thị trường tiêu thụ chưa ổn định, các doanh nghiệp sản xuất cầm chừng tác động ngành khai khoáng giảm 37,50%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo chưa có nhiều triển vọng, một số doanh nghiệp được đầu tư quy mô do khó khăn về thị trường tiêu thụ nên dừng hoạt động hoặc sản xuất cầm chừng như Công ty ô tô giải phóng; Công ty cổ phần sản xuất dược Doctor A; sản xuất gạch nung của

chi nhánh Công ty cổ phần gạch Tuynel Viên Châu; Công ty cổ phần tập đoàn được Bảo Châu quay lại hoạt động từ tháng 5... tác động làm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (-14,71%). Riêng ngành sản xuất và phân phối điện đạt kết quả tăng trưởng khá (+22,04%) do quý II và III/2024 mưa nhiều đảm bảo đủ nước cho các nhà máy thủy điện tăng công suất đồng thời một số nhà máy đã hoàn thành xong việc bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị từ quý I/2024 để sang quý II đưa của các tổ máy vào hoạt động. Lĩnh vực xây dựng cơ bản tiếp tục tăng trưởng khá, các dự án trọng điểm có giá trị lớn chuyển tiếp được đẩy nhanh tiến độ thi công ngay từ đầu năm, giá trị xây dựng từ các dự án trọng điểm luôn đảm bảo tiến độ theo kế hoạch từ đó đóng góp và sự tăng trưởng của ngành xây dựng.

Khu vực dịch vụ ước tăng 7,10% so với năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm 2024 các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục đà phát triển tốt. Một số lĩnh vực dịch vụ thị trường có mức tăng trưởng khá như: Hoạt động thương mại bán buôn, bán lẻ tăng 8,88%; vận tải kho bãi tăng 11,89%; dịch vụ lưu trú tăng 15,54%; dịch vụ ăn uống tăng 15,84%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 30,11%; nghệ thuật vui chơi và giải trí tăng 6,08%; hoạt động giáo dục đào tạo tăng 6,97%,...

Cơ cấu GRDP 9 tháng năm 2024 theo giá hiện hành: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 22,80%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 26,90%; khu vực dịch vụ chiếm 44,78%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,52%.

## **2. Sản xuất Nông - lâm nghiệp - thủy sản**

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2024 diễn ra trong điều kiện có những khó khăn và thuận lợi đan xen, những tháng đầu năm thời tiết tương đối thuận lợi, hầu hết các loại cây trồng Vụ Đông - Xuân sinh trưởng và phát triển tốt cho năng suất và sản lượng tăng so với cùng vụ năm trước. Tuy nhiên cuối vụ Xuân, đầu vụ Mùa xảy ra mưa lớn kèm theo gió lốc làm cho nhiều diện tích ngô ở các huyện Vị Xuyên, Quang Bình bị mất trắng, đặc biệt là cơn bão số 3 (YAGI) xảy ra vào đầu tháng 9/2024 làm thiệt hại diện tích lúa, ngô, rau màu trong vụ Mùa. Hoạt động chăn nuôi, dịch Tả lợn Châu Phi phát sinh từ giữa quý 3/2024 gây tâm lý lo lắng cho người dân, một số hộ gần vùng dịch đã bán chạy đàn khiến tốc độ xuất chuồng trong quý tăng cao. Chăn nuôi gia súc, gia cầm còn lại phát triển ổn định. Hoạt động trồng, chăm sóc rừng cũng như khai thác lâm sản duy trì ổn định; nuôi trồng thủy sản phát triển khá do nhu cầu và giá các mặt hàng nông sản có xu hướng tăng.

### **2.1. Nông nghiệp**

**a. Trồng trọt:** Trong 9 tháng đầu năm 2024 thời tiết mưa nhiều hơn so với năm 2023, thiên tai xảy ra cục bộ phần nào ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên đối với những khu vực không xảy ra thiên tai cây trồng sinh trưởng phát triển tốt. Các loại cây hàng năm, cây lâu năm thu hoạch vụ Đông, vụ Xuân nhìn chung đều tăng cả về năng suất và sản lượng, đặc biệt phát triển nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị đang được triển khai và thu được kết quả khả quan trên một số cây trồng, vật nuôi như cây dưa chuột, cà chua, dưa vàng, bò vàng, lợn đen, mật ong bạc hà,... Tuy nhiên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng có một số khó khăn ảnh hưởng tới kết quả chung như: Cuối vụ Xuân, đầu vụ Mùa xảy ra mưa lớn kèm theo gió lốc làm cho nhiều diện tích ngô ở các huyện Vị Xuyên, Quang Bình bị mất trắng, đặc biệt là cơn bão số 3 (YAGI) xảy ra vào đầu tháng 9/2024 làm thiệt hại diện tích lúa, ngô, rau màu gieo trồng vụ Mùa. Trong giai đoạn ảnh hưởng của mưa bão các ngành chuyên môn đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để khắc phục sau bão như: tập trung máy móc, thiết bị và con người nhanh chóng thu hoạch lúa, rau màu vụ sớm; khi có sự cố ngập úng huy động phương tiện bơm thoát nước, khơi thông dòng chảy, nạo vét mương, rãnh thoát nước; cưa cành gãy, bôi vôi hoặc dung dịch thuốc nấm; tạm dừng bón phân cho cây; vun gốc đối với những diện tích bị long gốc, khi rễ phục hồi tiếp tục bón phân hữu cơ kết hợp phân khoáng để tăng khả năng phục hồi của cây. Kết quả thực hiện đối với một số cây trồng chính trong vụ tính đến ngày 20/9/2024 như sau:

**Hình 1: Diện tích một số cây trồng chính tính đến thời điểm 20/9/2024 (so với cùng kỳ)**



- Diện tích lúa toàn tỉnh đã gieo cấy được 37.624,4 ha, giảm 0,03% so với cùng kỳ, trong đó: Diện tích lúa vụ Xuân 9.285,6 ha (diện tích lúa thu hoạch vụ Xuân 9.276,3 ha, so với cùng vụ năm trước diện tích thu hoạch giảm 1,56%; năng suất thu hoạch đạt 58,1 tạ/ha, tăng 0,68 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt 53.872,4 tấn, giảm 0,89%). Diện tích lúa vụ Mùa 2024 ước 28.338,9 ha, tăng 0,46% so với

cùng kỳ. Trong tháng 9/2024 bắt đầu thu hoạch lúa Mùa sớm, diện tích lúa thu hoạch đạt 3.457,8 ha, năng suất thu hoạch đạt 58,41 tạ/ha, sản lượng thu hoạch đạt 20.220,1 tấn. So với cùng vụ năm trước diện tích thu hoạch tăng 1,19%, năng suất thu hoạch giảm 0,06% do ảnh hưởng của một số diện tích bị ngập, sản lượng thu hoạch tăng 1,13%.

- Diện tích ngô gieo trồng 9 tháng đạt 53.208,4 ha, giảm 1,06% so với cùng kỳ năm trước, diện tích ngô thu hoạch 9 tháng 44.332,1 ha, giảm 1,05% so với cùng kỳ năm trước, năng suất thu hoạch ngô đạt 36,99 tạ/ha, tăng 1,9 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước, sản lượng ngô thu hoạch 9 tháng đạt 163.962,3 tấn, tăng 4,36% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất, sản lượng ngô tăng cao do năm 2023 hạn hán xảy ra vào giai đoạn trổ bông gây thiệt hại lớn về năng xuất tại các huyện Vị Xuyên, Hoàng Su Phì, Xín Mần. Năm 2024 cây ngô tiếp tục bị thiệt hại do mưa lũ tại các huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình nhưng vào giai đoạn cây đã có bắp nên chỉ ảnh hưởng đối với những cây bị gãy đổ, các diện tích còn lại năng suất cao hơn năm trước.

- Diện tích khoai lang gieo trồng 9 tháng đầu năm 2024 đạt 1.353,6 ha, tăng 4,37% so với cùng kỳ. Diện tích gieo trồng khoai lang tăng cao do vụ Xuân năm 2024 người dân chuyển đổi một phần diện tích lúa, ngô ở các chân ruộng cao thường xuyên thiếu nước sang trồng khoai lang. Diện tích khoai lang thu hoạch 9 tháng đạt 926,7 ha, tăng 4,30% so với cùng kỳ năm trước; năng suất thu hoạch đạt 68,8 tạ/ha, tăng 1,26 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt 6.376,1 tấn, tăng 6,25% so với cùng kỳ năm trước<sup>1</sup>.

- Diện tích đậu tương gieo trồng 9 tháng đầu năm 2024 đạt 11.890,4 ha, giảm 4,64%. Diện tích đậu tương thu hoạch 9 tháng đạt 4.864,5 ha, tăng 0,18% so với cùng kỳ; năng suất thu hoạch đạt 15,4 tạ/ha, tăng 0,74 tạ/ha; sản lượng thu hoạch 9 tháng đạt 7.490,3 tấn, tăng 6,02% so với cùng kỳ. Năng suất, sản lượng thu hoạch đậu tương tăng cao do vụ Xuân năm 2023 hạn hán kéo dài gây thiệt hại nặng về năng suất tại các huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần, năm 2024 thời tiết thuận lợi hơn, năng suất được khôi phục trở lại.

- Diện tích lạc gieo trồng 9 tháng đầu năm 2024 đạt 8.910,9 ha, giảm 1,24% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giảm diện tích gieo trồng lạc vụ Mùa 2024. Diện tích lạc thu hoạch 9 tháng đầu năm 5.462,2 ha, so với cùng kỳ năm trước diện tích thu hoạch tăng 1,08%; năng suất thu hoạch ước 27,8 tạ/ha, tăng 0,69 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 15.197,6 tấn, tăng 3,64%.

- Diện tích rau các loại gieo trồng 9 tháng đầu năm 2024 đạt 11.768,7 ha, tăng 3,22% so với cùng kỳ. Diện tích rau thu hoạch 9 tháng đạt 14.763,9 ha, tăng

---

<sup>1</sup> Sản lượng thu hoạch khoai lang tăng cao chủ yếu từ tăng diện tích gieo trồng vụ Xuân.

3,27% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng rau các loại thu hoạch 9 tháng đạt 98.399,1 tấn, tăng 10,13% so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch rau các loại tăng cao do năng suất cây dưa chuột, cà chua, ớt cay vụ Đông Xuân tại các huyện Quản Bạ, Bắc Mê, Vị Xuyên, Bắc Quang tăng cao. Diện tích đậu các loại gieo trồng 9 tháng đạt 2.763,5 ha, giảm 0,18% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích đậu các loại thu hoạch 9 tháng đạt 2.012,4 ha, tăng 1,16% so với cùng kỳ. Sản lượng đậu các loại 9 tháng đạt 1.820,1 tấn, tăng 2,27% so với cùng kỳ.

*\* Tình hình thiên tai, dịch bệnh:* Trên lúa vụ mùa tại 11 huyện/thành phố xuất hiện rải rác bệnh bạc lá, bọ xít dài, châu chấu, chuột, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh đốm sọc VK, bệnh khô vằn, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân... Trên Cây ngô xuất hiện sâu keo mùa thu; sâu cắn lá; bệnh đốm lá lớn, đốm lá nhỏ; sâu đục thân tại các huyện Bắc Mê, Bắc Quang, Quang Bình, Quản Bạ, Mèo Vạc, Hoàng Su Phì, Yên Minh. Các cơ quan chức năng đang tập trung chỉ đạo các đơn vị cơ sở hướng dẫn bà con nông dân các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, không để sâu bệnh lan ra diện rộng ảnh hưởng tới năng suất cây trồng. Trong kỳ tháng 9/2024 ảnh hưởng của cơn bão YAGI, nhiều địa phương xảy ra ngập lụt gây thiệt hại đối với cây trồng. Diện tích lúa bị thiệt hại 1.194 ha, diện tích ngô bị thiệt hại 2.582,2 ha, diện tích hoa màu bị thiệt hại 149,34 ha.

*\* Cây lâu năm:* Tổng diện tích trồng cây lâu năm 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 34.027,6 ha, giảm 195,4 ha so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng diện tích trồng cây lâu năm, diện tích cây ăn quả ước đạt 11.726,3 ha, chiếm 34,28% tổng diện tích, giảm 175,4 ha so với cùng kỳ. So với những năm trước diện tích cây có múi thuộc họ cam, quýt có xu hướng tụt giảm, nguyên nhân do sâu, bệnh hại diễn biến phức tạp, một số diện tích cam, quýt bị vàng lá, thối rễ không thể khắc phục, cùng với giá cả vật tư đầu vào cao... nhiều diện tích cam, quýt già cỗi, bị chết, hoặc cho năng suất thấp phải phá bỏ, chuyển sang cây trồng khác; bên cạnh đó một số cây ăn quả phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương tiếp tục được bà con nông dân đầu tư mở rộng diện tích<sup>2</sup>. Diện tích cao su 1.514,4 ha, chiếm 4,42% tổng diện tích, tương đương so với cùng kỳ năm trước; diện tích chè 19.745,9 ha, chiếm 57,72% tổng diện tích, giảm 77,5 ha so với cùng kỳ năm trước; diện tích cây gia vị, dược liệu lâu năm 1.131,4 ha, chiếm 3,32% tổng diện tích cây lâu năm, tăng 47,1 ha so với cùng kỳ năm trước; diện tích cây lâu năm khác 89,2 ha, tăng 10,4 ha so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng cây lâu năm: Sản lượng cây ăn quả 9 tháng năm 2024 ước đạt 25.092,1 tấn, giảm 188,4 tấn so với cùng kỳ năm 2023, do mưa lớn vào giai đoạn cây xoài, vải, nhãn ra hoa dẫn đến tỷ lệ đậu quả thấp, sản lượng các loại cây này giảm. Sản lượng cây cao su 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 661,5 tấn mù, tăng 34,1 tấn so với cùng kỳ năm trước, hiện nay diện tích cây cao su cho thu hoạch đã dần ổn

<sup>2</sup> Thanh long tăng 9,3 ha; Hồng tăng 22,6 ha; Mận tăng 98,9 ha; Lê tăng 68,8 ha; Dứa tăng 8,4 ha; ....

định nên sản lượng thu hoạch sẽ tăng dần trong những năm tiếp theo. Sản lượng chè búp tươi 9 tháng đầu năm 2024 đạt 74.417,7 tấn, so với cùng kỳ năm trước giảm 111,4 tấn do thời tiết mưa nhiều, làm cho cây chè bị ngấm nước dẫn đến thối rễ, nấm lá, đây là nguyên nhân làm sản lượng cây chè giảm so với cùng kỳ.

**b. Chăn nuôi :** Trong quý III/2024 dịch tả lợn Châu Phi tái phát tại 6 huyện (Xín Mần, thành phố Hà Giang, Quản Bạ, Bắc Mê, Đồng Văn, Yên Minh), đàn gia súc, gia cầm còn lại được kiểm soát tốt, không phát sinh dịch bệnh, hoạt động chăn nuôi phát triển ổn định. Số lượng gia súc, gia cầm ước tại thời điểm cuối tháng 9/2024 như sau:

**Hình 2: Số lượng và sản lượng đàn gia súc, gia cầm tính đến 30/9/2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



- Đàn trâu 139.600 con, giảm 2,81%. Đàn trâu tiếp tục có xu hướng giảm do giá bán thấp, thời gian chăn nuôi dài, sản phẩm thịt trâu khó tiêu thụ nên chưa tạo được động lực cho người dân tái đầu tư, phát triển. Số con xuất chuồng 9 tháng 16.228 con, giảm 6,84%; sản lượng xuất chuồng 3.934,3 tấn, giảm 6,97% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt trâu giảm do việc xuất bán sang thị trường Trung Quốc không thuận lợi kể từ khi xây dựng hàng rào biên giới, trong khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thịt trâu trong nước không cao.

- Đàn bò 124.391 con, tăng 4,58% do xuất hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa người chăn nuôi với HTX nên đàn bò được phát triển mạnh tại các huyện Quản Bạ, Vị Xuyên, Bắc Mê. Ngoài ra chăn nuôi bò còn phát triển tốt tại 04 huyện vùng cao nguyên đá do nhu cầu tiêu thụ thịt bò trên thị trường tăng cao khi du lịch phát triển. Số con bò xuất chuồng trong 9 tháng đạt 16.636 con, tăng 4,1%; sản lượng bò xuất chuồng đạt 3.788,3 tấn, tăng 4,71%.

- Đàn lợn và đàn gia cầm tiếp tục có xu hướng tăng so với cùng kỳ. Đàn lợn tại thời điểm cuối tháng 9/2024 ước 576.467 con, tăng 2,77% so với tháng cùng kỳ. Số con xuất chuồng ước đạt 552.027 con, tăng 7,61%; sản lượng xuất chuồng ước đạt 32.749,6 tấn, tăng 10,51%. Do ảnh hưởng của dịch Tả lợn Châu Phi, người dân một số khu vực gần ổ dịch bán chạy đàn nên số lượng xuất chuồng trong quý III/2024 tăng cao; đàn gia cầm tại thời điểm cuối tháng 9/2024 ước 5.931,9 nghìn con, tăng 3,22% so với tháng cùng kỳ. Sản lượng thịt gia cầm 9 tháng ước đạt 9.977,6 tấn, tăng 11,23% do người dân đầu tư nhiều hơn về con giống, thức ăn nên trọng lượng xuất chuồng bình quân tăng cao. Sản lượng trứng gia cầm 9 tháng ước đạt 40.757,3 nghìn quả, tăng 2,79%.

*Tình hình dịch bệnh:* Trong tháng dịch Tả lợn Châu Phi xảy ra tại 03 huyện (Xín Mần, Quán Bạ, Bắc Mê). Tổng số lợn bị tiêu hủy bắt buộc từ ngày 15/8 đến ngày 12/9/2024 là 384 con, trọng lượng 16.106 kg. Lũy kế: Tổng số lợn tiêu hủy bắt buộc đến ngày 14/8/2024 là 2.435 con, trọng lượng 98.156,5 kg. Tính đến ngày 12/9/2024 đã có thành phố Hà Giang, huyện Đồng Văn công bố hết dịch bệnh và huyện Yên Minh đã kiểm tra thẩm định điều kiện để công bố hết dịch bệnh trên địa bàn và hiện nay có 07 xã của 03 huyện Xín Mần (Pà Vây Sủ, Thèn Phàng); Quán Bạ (Bát Đại Sơn, Đông Hà, Quán Bạ, Tả Ván); Bắc Mê (thị trấn Yên Phú) đã qua 23 ngày không phát sinh dịch bệnh.

*Công tác cung ứng vắc xin và tiêm phòng:* Trong tháng đã sử dụng 75,5 lít hoá chất và 306 kg vôi bột để xử lý tiêu hủy và phun tiêu độc khử trùng chuồng trại chăn nuôi tại hộ có dịch và các hộ xung quanh với tổng diện tích 1.044.725m<sup>2</sup>/35hộ/01 thôn. Lũy kế từ đầu năm đã sử dụng 16.555 lít hóa chất và 23.978 kg vôi bột. Kết quả tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc được 47.241 lượt con gia súc các loại (THT lợn 22.739 con, Dịch tả lợn cổ điển 22.507 con, dịch tả lợn Châu Phi 1.995 con). Lũy kế: Tiêm được 566.856 lượt con (THT trâu bò 30.848 con, LMLM 223.613 con, THT lợn 142.049 con, Dịch tả lợn cổ điển 142.049 con, dịch tả lợn Châu Phi 7.081 con, đại chó 38.367con).

*Công tác kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm:* Trong tháng thực hiện cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật ra ngoài địa bàn tỉnh được 28 chuyến, số lượng 63 con bò và 3.038 con lợn. Lũy kế: 213 chuyến, tổng số 19.244 con gia súc, trong đó: trâu 02 con, bò 220 con, lợn 19.022 con. Thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được 3.807 con gia súc, gia cầm. Lũy kế: 32.141 con (Trâu 315 con, bò 573 con, ngựa 10 con, lợn 29.721 con, gia cầm 1.522 con).

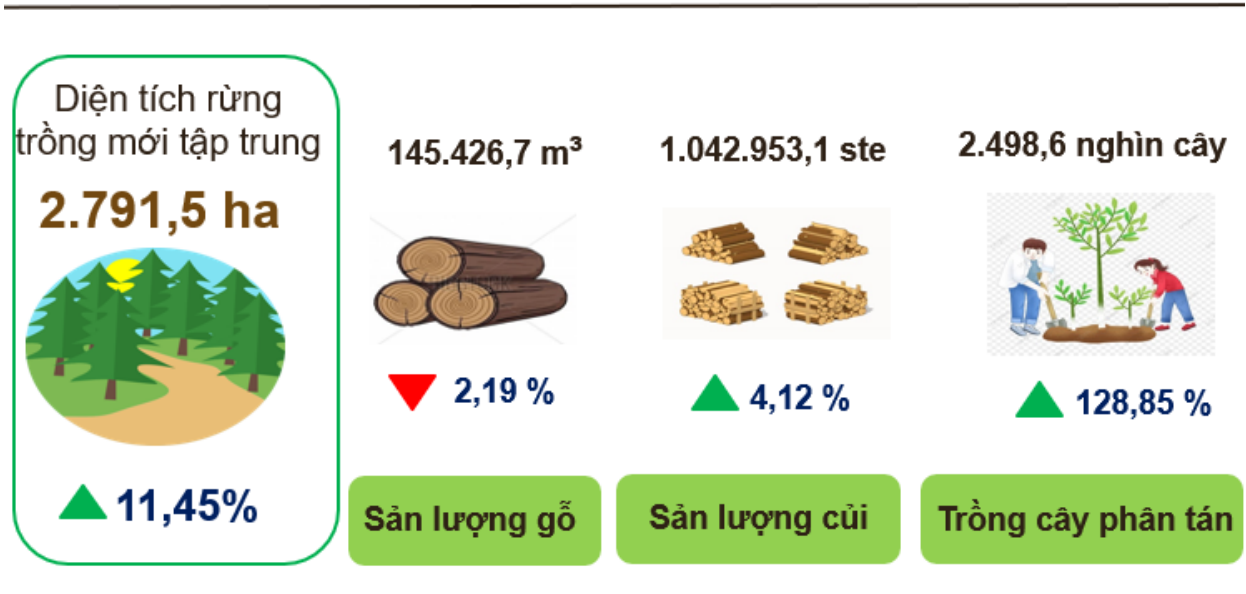
## **2.2. Lâm nghiệp**

Diện tích rừng trồng tập trung 9 tháng đầu năm 2024 đạt 2.791,5 ha, tăng 11,45% so với cùng kỳ (+286,9 ha) chủ yếu là keo, quế, lá giang được trồng trên diện tích cây lâu năm không hiệu quả. Trồng cây phân tán tiếp tục được các địa phương quan tâm thực hiện, số lượng cây phân tán được trồng 9 tháng đầu năm ước đạt 2.498,6 nghìn cây các loại, tăng 1406,8 nghìn cây so với cùng kỳ năm



trước. Số cây trồng phân tán tăng cao do các huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên trồng keo, quế, giang trên diện tích cam, chè bị suy thoái và có diện tích dưới 0,3 ha nên chưa đủ điều kiện tính diện tích trồng tập trung.

**Hình 3: Kết quả sản xuất lâm nghiệp 9 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)**



Sản lượng gỗ khai thác tháng 9/2024 đạt 17.802,6 m<sup>3</sup>, tăng 927,6 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ; ước sản lượng gỗ khai thác 9 tháng đầu năm 2024 đạt 145.426,7 m<sup>3</sup>, giảm 3.253,7 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ. Sản lượng gỗ khai thác giảm chủ yếu tại huyện Yên Minh, Bắc Mê. Sản lượng củi khai thác trong tháng đạt 111.608,3 ste, giảm 3,94%, do trong tháng liên tục xảy ra mưa lớn, người dân hạn chế lên rừng thu nhặt củi. Lũy kế sản lượng củi khai thác 9 tháng đầu năm 2024 đạt 1.042.953,1 ste, tăng 4,12% (sản lượng củi khai thác tăng cao trong 9 tháng đầu năm tại các huyện Quản Bạ, Xín Mần, Bắc Mê).

Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR tiếp tục được các ngành chức năng quan tâm thực hiện tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Tính đến ngày 20/9/2024, toàn tỉnh xảy ra 12 vụ cháy rừng, giảm 04 vụ so với cùng kỳ năm 2023, diện tích bị cháy 23,5 ha. Diện tích rừng bị cháy trong 9 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm trước do năm 2024 thời tiết mưa nhiều hơn, độ ẩm không khí cao, nguy cơ cháy rừng thấp hơn so với năm trước. Lực lượng Kiểm lâm và các ngành chức năng đã phát hiện 113 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp<sup>3</sup>, giảm 24 vụ so với cùng kỳ năm 2023. Đã tiến hành xử lý hành chính 89 vụ (xử phạt vi phạm hành chính 73 vụ; tịch thu tang vật, phương tiện vô chủ 08 vụ; khởi tố hình sự 08 vụ); tịch thu 285,7 m<sup>3</sup> gỗ các loại; thu nộp ngân sách Nhà nước 853,5 triệu đồng.

<sup>3</sup> Lấn, chiếm rừng: 02 vụ, khai thác rừng trái pháp luật: 11 vụ, phá rừng: 21 vụ; Vi phạm các quy định về PCCCR: 12 vụ, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 18 vụ, tàng trữ lâm sản trái pháp luật: 20 vụ, Vi phạm các quy định về quản lý hồ sơ vận chuyển lâm sản: 08 vụ.

### **2.3. Thủy sản**

Tháng 9 năm 2024, hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng tháng 9/2024 ước đạt 208,1 tấn, tăng 4,07% so với tháng cùng kỳ, trong đó: Sản lượng thủy sản khai thác 26,5 tấn, tăng 6,33%; sản lượng thủy sản nuôi trồng 181,6 tấn, tăng 3,74%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 tổng sản lượng thủy sản đạt 2.048,6 tấn, tăng 4,15%, trong đó: sản lượng khai thác 153,4 tấn, tăng 4,46%; sản lượng thủy sản nuôi trồng 1.895,2 tấn, tăng 4,12%.

Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản tháng 9 và 9 tháng năm 2024 tăng so với cùng kỳ do nuôi trồng thủy sản trong những năm gần đây đem lại thu nhập khá, người dân mở rộng diện tích, đầu tư hơn về thức ăn, con giống và phòng trừ bệnh. Bên cạnh đó những giống thủy sản có giá trị kinh tế cao tiếp tục được người dân đưa vào nuôi trồng như cá bống, cá tầm, cá lăng, cá quả... góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế từ nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt các mô hình nuôi tôm, lươn, ốc, ếch tại huyện Bắc Quang và Vị Xuyên phát triển góp phần tăng sản lượng thu hoạch tôm và thủy sản khác

### **3. Tài chính tín dụng**

Trong 9 tháng đầu năm 2024, NHNN chi nhánh tỉnh đã chỉ đạo các TCTD triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh phù hợp với chỉ tiêu được giao; thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, bền vững đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường huy động vốn, tập trung tín dụng vào lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, các ngành, nghề có thế mạnh, là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tích cực triển khai các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp, thiết thực. Tập trung đẩy mạnh triển khai chương trình 140.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ; chương trình tín dụng 30.000 tỷ đồng cho vay lĩnh vực lâm sản, thủy sản.

Các TCTD trên địa bàn chấp hành nghiêm túc các quy định và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất. Lãi suất của các TCTD giảm so với đầu năm (giảm trong khoảng 0,2% đến 0,3%/năm). Lãi suất tiền gửi bình quân của các TCTD đến tháng 9/2024 ở mức 4,3%/năm; Lãi suất cho vay bình quân của các TCTD ở mức 8,8%/năm. Tổng nguồn vốn hoạt động và quản lý của các TCTD trên địa bàn ước đến 30/9/2024 là 33.173 tỷ đồng. Trong đó, nguồn huy động tại địa phương ước đạt 19.904 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 226 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1,1%; so với cùng kỳ năm trước tăng 2.444 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 14%; so với 31/12/2023 tăng 385 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 2% (Đạt 24,6% kế hoạch năm 2024; chỉ tiêu kế hoạch đạt 8%). Doanh số huy động được trong 9 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện 228.342 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 44.460 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 24,2%. Doanh số chi trả cho khách hàng ước thực hiện 227.957 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 45.097 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 24,7%.

Tổng dư nợ tín dụng ước đến 30/9/2024 là 30.039 tỷ đồng; so với tháng trước tăng 254 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 0,9%; so với cùng kỳ năm trước tăng 1.589 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 5,6%; so với 31/12/2023 tăng 511 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1,7% (Đạt 21,6% kế hoạch năm 2024; chỉ tiêu kế hoạch đạt 8%). Doanh số cho vay trong 9 tháng đầu năm ước thực hiện 28.326 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 4.822 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 20,5%; Doanh số thu nợ ước thực hiện 27.815 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 4.497 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 19,3%.

Nợ xấu toàn địa bàn ước đến 30/9/2024 là 321,4 tỷ đồng, chiếm 1,07%/tổng dư nợ; so với tháng trước tỷ lệ nợ xấu giảm 0,08 điểm %; so với cùng kỳ năm trước tỷ lệ nợ xấu tăng 0,1 điểm %; so với 31/12/2023 tỷ lệ nợ xấu tăng 0,3 điểm %.

#### **4. Thu, chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách nhà nước tháng 9 năm 2024 ước đạt 1.524,6 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 186,5 tỷ đồng, chiếm 12,23% tổng thu ngân sách và thu bổ sung từ ngân sách trung ương 1.337,5 tỷ đồng chiếm 87,73% tổng thu. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 18.252,8 tỷ đồng, bằng 95,77% kế hoạch tỉnh giao và tăng 6,22% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 1.755 tỷ đồng, bằng 71,30% dự toán và tăng 32,0% so với cùng kỳ (thu nội địa 1.598 tỷ đồng, bằng 69,70% dự toán và tăng 32,50%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 150 tỷ đồng, bằng 110,3% dự toán và tăng 27%; thu viện trợ, huy động, đóng góp 6,88 tỷ đồng, bằng 22,9% dự toán và tăng 85,94%). Thu bổ sung từ ngân sách trung ương ước đạt 12.069,9 tỷ đồng, đạt 73,10% dự toán và giảm 0,18% so với cùng năm trước. Trong thu nội địa, một số khoản thu lớn như: thu ngoài quốc doanh 807,6 tỷ đồng, tăng 30,75% so với cùng kỳ năm trước; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 132,1 tỷ đồng, tăng 323,7%; thu thuế bảo vệ môi trường 111,7 tỷ đồng, tăng 16,92%; thu tiền sử dụng đất 107,8 tỷ đồng, tăng 37,26%; thuế thu nhập cá nhân 87,9 tỷ đồng; tăng 37,66% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương tháng 9 năm 2024 ước đạt 1.689,5 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 231,8 tỷ đồng, chiếm 13,72% tổng chi ngân sách; chi thường xuyên 1.330,4 tỷ đồng, chiếm 78,74% tổng chi. Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 13.850,1 tỷ đồng, bằng 59,90% dự toán địa phương và tăng 10,97% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: chi đầu tư phát triển 2.134 tỷ đồng, giảm 18,14%; chi thường xuyên 8.753 tỷ đồng, tăng 13,79% so với cùng kỳ năm 2023.

#### **5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp - Hợp tác xã**

Trong 9 tháng đầu năm 2024 đã tiếp nhận, trả kết quả cho 753 lượt doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc (ĐVTT), hồ sơ đăng ký Online đạt 100%, gồm: 227 doanh nghiệp, ĐVTT thành lập mới, trong đó: 137 doanh nghiệp (19 công ty cổ phần, 28 Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 90 Công ty TNHH 1 thành viên) với

số vốn đăng ký 930.209 tỷ đồng và 90 ĐVTT (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh). Có 352 doanh nghiệp và ĐVTT thông báo thay đổi; có 136 doanh nghiệp và ĐVTT tạm ngừng kinh doanh có thời hạn; 24 doanh nghiệp và ĐVTT giải thể; 14 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 toàn tỉnh hiện có: 4.154 doanh nghiệp, ĐVTT; trong đó: 2.858 doanh nghiệp (591 Công ty cổ phần, 1.449 Công ty TNHH 1 thành viên, 732 Công ty TNHH 2 thành viên, 86 doanh nghiệp tư nhân) với tổng vốn đăng ký 37.893,73 tỷ đồng và 1.296 đơn vị trực thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh). Có 2.986 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang hoạt động đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương và tạo việc làm cho lao động tại địa phương.

Đối với kinh tế hợp tác xã trong 9 tháng đầu năm 2024 thành lập mới 26 hợp tác xã; lũy kế đến 20/9/2024 toàn tỉnh có 900 hợp tác xã (HTX), trong đó có 700 HTX đang hoạt động (chiếm 77,78%); 168 HTX ngừng hoạt động (chiếm 18,66%).

## **6. Sản xuất công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong 9 tháng đầu năm 2024 tiếp tục duy trì và đạt tăng trưởng khá nhờ sự đóng góp của ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, ngành công nghiệp chủ lực mang tính quyết định đối với nền công nghiệp tại địa phương. Trong quý III thời tiết tiếp tục mưa nhiều, lưu lượng nước về lòng hồ tăng cao các nhà máy thủy điện đủ nước để chạy tăng công suất, sản lượng điện sản xuất tăng. Tuy nhiên cũng còn một số lĩnh vực sản xuất tiếp tục gặp khó khăn như: Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản một số mỏ đang tạm dừng khai thác do chưa hoàn tất các thủ tục cấp phép và thủ tục đầu tư cũng như thị trường tiêu thụ chưa ổn định, các doanh nghiệp sản xuất cầm chừng; Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục gặp khó khăn ở một số lĩnh vực như lắp ráp ô tô; tinh luyện kim loại; sản xuất gạch; sản xuất đồ uống... chủ yếu do các doanh nghiệp chưa tìm được thị trường đầu ra cho sản phẩm, hiện các doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, tập trung tiêu thụ hàng tồn.

### **6.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp**

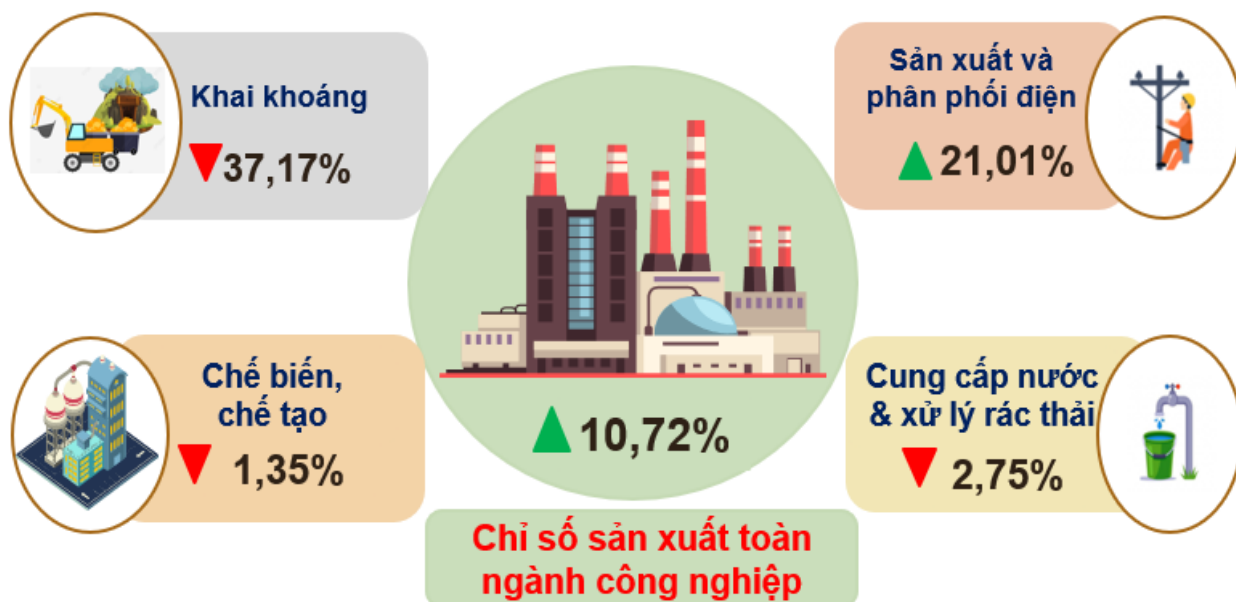
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 9/2024 giảm 4,01% so với tháng trước, tăng 13,79% so với tháng cùng kỳ, chỉ số cộng dồn 9 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ tăng 10,72%. Chỉ số sản xuất công nghiệp chia theo ngành công nghiệp cấp I trên địa bàn tỉnh tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

- Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng tăng 18,58%<sup>4</sup> so với tháng trước; tăng 94,06% so với tháng cùng kỳ. Chỉ số cộng dồn 9 tháng đầu năm 2024 giảm 37,17% so với cùng kỳ (nguyên nhân chủ yếu làm chỉ số cộng dồn giảm

<sup>4</sup> Chỉ số tháng 9 tăng so với tháng trước chủ yếu do Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang đã đảm bảo nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào nên sản lượng sản xuất tăng.

manh so với cùng kỳ do thị trường tiêu thụ chưa ổn định nên Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông sản xuất chậm chững).

**Hình 4: Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)**



- Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm 3% so với tháng trước; giảm 2,31% so với tháng cùng kỳ. Chỉ số cộng dồn 9 tháng đầu năm 2024 giảm 1,35% so với cùng kỳ.

- Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt giảm 4,85% so với tháng trước; tăng 15,96% so với tháng cùng kỳ. Chỉ số cộng dồn 9 tháng đầu năm 2024 tăng 21,01% (chỉ số cộng dồn 9 tháng tăng cao so với cùng kỳ do năm trước ảnh hưởng của khí hậu El Nino, thời tiết khô hạn, các nhà máy hoạt động dưới công suất).

- Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,12% so với tháng trước; tăng 0,31% so với tháng cùng kỳ. Chỉ số cộng dồn 9 tháng đầu năm 2024 giảm 2,75% so với cùng kỳ.

## 6.2. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh) thực hiện tháng 9/2024 ước đạt 549,3 tỷ đồng; giảm 2,16% so với tháng (-12,2 tỷ đồng) và tăng 9,58% so với tháng cùng kỳ (+48 tỷ đồng). Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh ước đạt 3.589,2 tỷ đồng, tăng 2,91% so với cùng kỳ (+101,3 tỷ đồng).

Theo giá thực tế, giá trị sản xuất công nghiệp tháng 9/2024 ước thực hiện 1.112,1 tỷ đồng, giảm 0,27% so với tháng trước (-3,1 tỷ đồng) và tăng 14,55% so với cùng (+141,3 tỷ đồng). Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 6.794,0 tỷ đồng, tăng 6,42% so với cùng kỳ (+409,9 tỷ đồng).

### **6.3. Kết quả thực hiện đối với sản phẩm công nghiệp chủ yếu**

- Quặng sắt: Sản lượng tinh quặng sắt tháng 9/2024 ước đạt 13.947 tấn; tăng 0,07% (+9 tấn) so với tháng trước; so với tháng cùng kỳ tăng 13.947 tấn; cộng dồn đến hết tháng 9/2024 sản lượng quặng khai thác ước đạt 95.469 tấn, giảm 57,29% so với cùng kỳ (-128.080 tấn<sup>5</sup>).

- Ván ép: Sản lượng sản xuất tháng 9/2024 ước đạt 5.506 m<sup>3</sup>, giảm 5,27% so với tháng trước (-306 m<sup>3</sup>) và tăng 21,7 %<sup>6</sup> so với tháng cùng kỳ (+982 m<sup>3</sup>); cộng dồn đến hết tháng 9/2024 sản lượng sản xuất ước đạt 37.457 m<sup>3</sup>, tăng 10,21% so với cùng kỳ năm trước (+ 3.471 m<sup>3</sup>).

- Bột giấy: Sản lượng sản xuất tháng 9/2024 ước đạt 58 tấn, giảm 60% so với tháng trước (-87 tấn) và giảm 82% so với tháng cùng kỳ (-263 tấn); cộng dồn đến hết tháng 9/2024 sản lượng sản xuất ước đạt 1.632 tấn, giảm 38,81% so với cùng kỳ (-1.035 tấn<sup>7</sup>).

- Điện sản xuất tháng 9/2024 ước đạt 503 triệu Kwh, giảm 5,03% so với tháng trước (-27 triệu Kwh) và tăng 15,77% so với tháng cùng kỳ (+68 triệu Kwh); cộng dồn đến hết tháng 9/2024 sản lượng điện sản xuất ước đạt 2.381 triệu Kwh, tăng 21,68% so với cùng kỳ (+424 triệu Kwh).

- Điện thương phẩm tháng 9/2024 ước đạt 57 triệu Kwh, tăng 1,95% so với tháng trước (+1,0 triệu Kwh) và tăng 23,34% so với tháng cùng kỳ (+11 triệu Kwh); cộng dồn đến hết tháng 9/2024 sản lượng điện thương phẩm ước đạt 444 triệu Kwh, tăng 7,96% so với cùng kỳ (+33 triệu Kwh).

- Nước máy sản xuất tháng 9/2024 ước đạt 333 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 0,03% so với tháng trước (+0,1 nghìn m<sup>3</sup>); giảm 0,93% so với tháng cùng kỳ (-3,1 nghìn m<sup>3</sup>); cộng dồn đến hết tháng 9/2024 nước máy sản xuất ước đạt 2.772,3 nghìn m<sup>3</sup>, giảm 4,10%<sup>8</sup> so với cùng kỳ (-118,4 nghìn m<sup>3</sup>).

### **6.4. Chỉ số sử dụng lao động**

Ước lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến thời điểm 30/9/2024 giảm 0,25% so với tháng trước; so với cùng thời điểm năm trước giảm 1,47%; trong đó: Lao động đang làm việc trong khu vực doanh nghiệp nhà nước ổn định so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước tăng 0,7%. Lao động đang làm việc trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 0,68% so với tháng trước và giảm 2,89% so với cùng kỳ. Số lao động đang làm việc trong doanh nghiệp so với tháng trước có lao động ngành khai khoáng, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giữ ổn định; lao động ngành

<sup>5</sup> Mặc dù Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông đã có kế hoạch hoạt động sản xuất trở lại nhưng doanh nghiệp chỉ hoạt động cầm chừng do thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

<sup>6</sup> Sản lượng ván ép tháng 9 tăng so với cùng kỳ năm trước do Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thái Hoàng đã hoạt động ổn định trở lại. Tuy nhiên sản lượng tháng 9 giảm so với tháng 8 chủ yếu do đơn đặt hàng ít hơn.

<sup>7</sup> Sản lượng bột giấy 8 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm trước do Công ty cổ phần Hải Hà đơn đặt hàng ít, tiêu thụ chậm, hàng tồn nhiều.

<sup>8</sup> Sản lượng nước giảm so với cùng kỳ năm trước do Công ty cổ phần cấp thoát nước Hà Giang đã giảm được tỷ lệ thất thoát nước do đường ống dẫn nước đã được sửa chữa lại sau quá trình chỉnh trang đô thị.

công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,8%; lao động ngành sản xuất, phân phối điện tăng 0,13%. So với cùng kỳ lao động đang làm việc ở doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 18,42%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 0,96%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,18%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,79%.

#### **6.5. Chỉ số tiêu thụ, tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo**

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước đến 30/9/2024 giảm 1,25% so với tháng trước và tăng 12,86% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,63% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng như: Ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 10,79%; sản xuất trang phục tăng 60,71%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ tăng 6,95%; sản xuất xe có động cơ tăng 301,08%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 25,33%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 6,28%;...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2024 tăng 9,2% so với tháng trước và tăng 79,73% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó ngành có chỉ số tồn kho tăng mạnh hơn mức tăng chung như: sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 206,73%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 182,81%;...

#### **6.6. Xu hướng SXKD của DN ngành công nghiệp chế biến, chế tạo**

Tổng hợp kết quả phiếu điều tra xu hướng của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo cho thấy có 66,67% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2024 so với quý II/2024 tốt lên, trong khi có 33,33% số doanh nghiệp cho rằng khó khăn hơn. Dự báo quý IV/2024 xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh lạc quan hơn so với quý III/2024 khi có 85,18% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tốt lên và giữ nguyên (44,44% doanh nghiệp dự báo tốt lên; 40,74% giữ nguyên), chỉ có 14,81% doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn hơn. Đánh giá cụ thể theo các yếu tố sau:

*Một là*, về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: Tính cạnh tranh của hàng trong nước cao và nhu cầu thị trường trong nước thấp là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khi có tới 59,26% doanh nghiệp cho rằng yếu tố này ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; có 29,63% doanh nghiệp cho rằng thiết bị công nghệ lạc hậu ảnh hưởng đến khả năng phát triển sản xuất kinh doanh; có 25,93% doanh nghiệp cho rằng khó khăn về tài chính và lãi suất vay vốn cao tác động đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp; có 22,22% doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường quốc tế thấp ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh; 18,52% doanh nghiệp cho rằng thiếu nguyên, nhiên, vật liệu và tính cạnh tranh của hàng nhập khẩu cao; 7,41% cho rằng không có khả năng tiếp cận nguồn vốn vay và không tuyển dụng được lao động theo yêu cầu; ....

*Hai là, về khối lượng sản xuất:* Chỉ số cân bằng thể hiện số phần trăm doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng trừ đi số phần trăm doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất giảm ở quý III/2024 so với quý II/2024 là +14,81% (48,15% doanh nghiệp dự báo tăng; 33,33% doanh nghiệp dự báo giảm). Chỉ số cân bằng có xu hướng tăng ở quý IV/2024 so với quý III/2024 với 3,7% (37,04% doanh nghiệp dự báo tăng, trong khi đó có 33,33% doanh nghiệp dự báo giảm).

*Ba là, về đơn đặt hàng:* Tỷ lệ doanh nghiệp dự báo đơn hàng mới quý III/2024 so với quý II/2024 với chỉ số cân bằng là -17,39% (30,43% doanh nghiệp dự báo tăng; 47,83% doanh nghiệp dự báo giảm). Chỉ số cân bằng tăng ở quý IV/2024 so với quý III/2024 với tỷ lệ là 8,33% (37,5% doanh nghiệp dự báo tăng đơn hàng; 29,17% doanh nghiệp dự báo giảm).

## **7. Vốn đầu tư - Xây dựng cơ bản**

### **7.1. Vốn đầu tư**

*- Kết quả thực hiện vốn đầu tư:* Bước sang quý III/2024 thời tiết vào mùa mưa, lượng mưa trong quý III tương đối lớn đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện vốn đầu tư của các dự án bị chậm lại. Tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao từ cấp tỉnh đến các địa phương nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, xử lý các điểm nghẽn trong thủ tục đầu tư, xây dựng cơ bản và công tác đền bù giải phóng mặt bằng, đặc biệt là việc đôn đốc triển khai các dự án đầu tư lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh có tính kết nối, tác động lan tỏa tới sự phát triển liên vùng và địa phương, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã tác động tích cực đến giá trị vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2024.

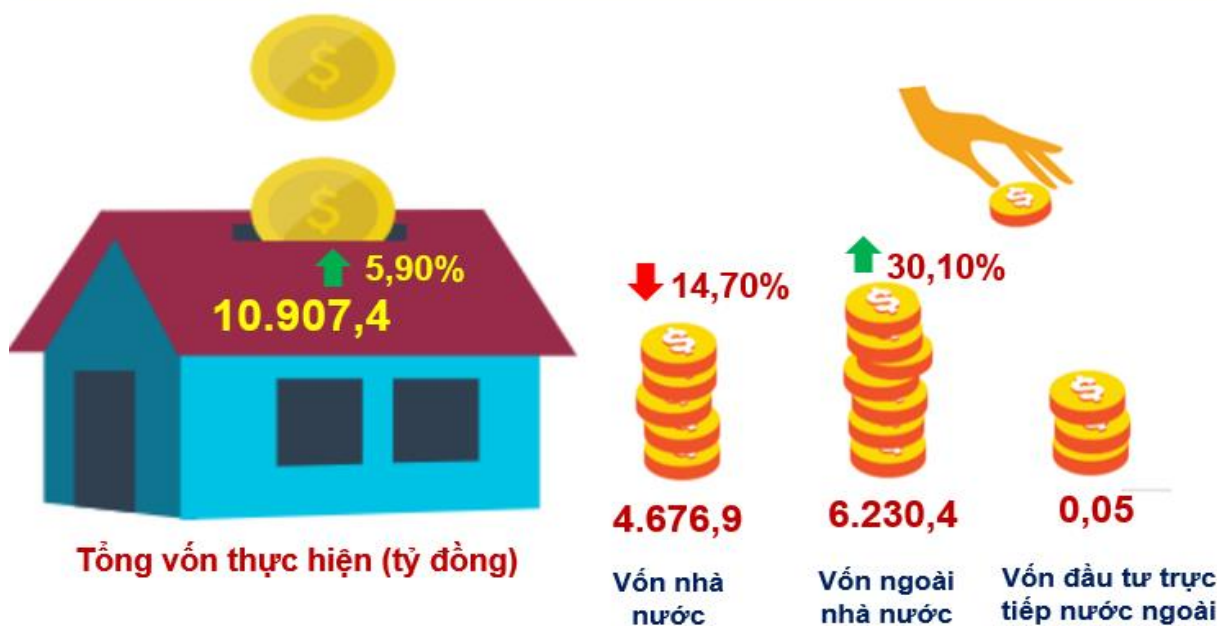
Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh quý III/2024 ước đạt 3.695,0 tỷ đồng, giảm 2,40% so với quý trước (-91,4 tỷ đồng); giảm 5,50% so với cùng kỳ năm trước (-216,3 tỷ đồng). Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh đạt 10.907,4 tỷ đồng, tăng 5,92% so với cùng kỳ năm trước (+609,4 tỷ đồng); trong đó: Vốn nhà nước 4.676,9 tỷ đồng, chiếm 42,9% trong tổng vốn đầu tư, giảm 14,70% so với cùng kỳ; Vốn ngoài Nhà nước 6.230,4 tỷ đồng, chiếm 57,10% trong tổng vốn đầu tư, tăng 30,10% so với cùng kỳ (vốn khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 1.665,2 tỷ đồng, tăng 76,00%; vốn đầu tư từ khu vực dân cư 4.565,2 tỷ đồng, tăng 18,80%). Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng vốn đầu tư.

Trong năm, do tỉnh tập trung nguồn lực cho các công trình, dự án trọng điểm chuyển tiếp đang được triển khai thi công nên số lượng công trình, dự án khởi công mới thực hiện trong kỳ không nhiều và chủ yếu là các công trình, dự án có tổng mức đầu tư vốn nhỏ. Kết quả thực hiện vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Hà Giang ước quý III và 9 tháng năm 2024 chủ yếu đến từ các công trình, dự án chuyển tiếp của các năm trước thuộc nguồn vốn NSNN và từ nguồn vốn đầu tư



thuộc khu vực ngoài nhà nước, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực thủy điện, xây dựng trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng, nhà ở liền kề và đầu tư của hộ dân cư. Việc giao thương kinh tế khu vực biên giới phục hồi chậm, khả năng tạo việc làm mới tại chỗ để cải thiện thu nhập cho cư dân trên địa bàn tỉnh có mặt còn hạn chế đã ảnh hưởng tới tích lũy và đầu tư trong dân cư.

**Hình 5: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng 2024 (so với cùng kỳ)**



- **Tình hình giải ngân vốn đầu tư công:** Trong 9 tháng năm 2024, UBND tỉnh đã quyết tâm, quyết liệt trong công tác lãnh chỉ đạo, điều hành; ban hành nhiều văn bản và đề ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Tuy nhiên, kết quả giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Giang tính đến thời điểm báo cáo vẫn đạt tỷ lệ thấp so với lộ trình kế hoạch đề ra. Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang tính đến ngày 18/09/2024, tỷ lệ giải ngân chung toàn tỉnh đạt 41,0% so với kế hoạch, cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư kế hoạch 2024 giải ngân đạt 41,80% kế hoạch trung ương giao và đạt 43,40% kế hoạch địa phương giao. Trong đó, nguồn vốn đầu tư trong cân đối đạt 43,50% kế hoạch trung ương giao và đạt 48,60% kế hoạch địa phương giao; nguồn vốn ngân sách Trung ương kế hoạch trung ương giao và kế hoạch địa phương giao đều đạt 39,30%; nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia đạt 42,60% kế hoạch trung ương giao và đạt 42,20% kế hoạch địa phương giao.

- Vốn chuyển nguồn từ 2023 sang 2024 đạt 28,60% kế hoạch trung ương giao và 34,10% kế hoạch địa phương giao. Trong đó, chuyển nguồn tại tỉnh đạt 25,80% kế hoạch trung ương giao và 37,70% kế hoạch địa phương giao; chuyển nguồn tại huyện đạt 29,80% kế hoạch trung ương giao và đạt 11,40% kế hoạch địa phương giao.

## **7.2. Xây dựng cơ bản**

Giá trị sản xuất xây dựng 9 tháng đầu năm 2024 đạt khá trong khu vực doanh nghiệp do các công trình, dự án trọng điểm có nguồn đầu tư vốn lớn, nhất là các dự án giao thông có tính kết nối, lan tỏa tới phát triển vùng, liên vùng và địa phương được đẩy nhanh tiến độ thi công; các Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội; các Chương trình MTQG được triển khai quyết liệt; cùng với công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cải cách hành chính được quyết tâm triển khai thực hiện, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng lên đã tác động tích cực đến hoạt động xây dựng. Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh ngành xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh ước 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

- Giá trị sản xuất xây dựng (giá so sánh) ước đạt 4.047,4 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước (+245,9 tỷ đồng), trong đó: Công trình nhà ở giá trị thực hiện 1.219,4 tỷ đồng, giảm 0,3%; Công trình nhà không ở giá trị thực hiện 870,3 tỷ đồng, giảm 15,6%; Công trình kỹ thuật dân dụng giá trị thực hiện 1.938,2 tỷ đồng, tăng 28,3% so với cùng kỳ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng giá trị thực hiện 19,5 tỷ đồng, giảm 46,8% so với cùng kỳ.

- Giá trị sản xuất xây dựng (giá hiện hành) ước đạt 6.457,4 tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước (+434,2 tỷ đồng), trong đó: Khu vực doanh nghiệp đạt 3.526,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 54,6% trong tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng, tăng 10,5% so với cùng kỳ; Khu vực xã, phường, thị trấn và hộ dân cư đạt 2.930,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 45,4% trong tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng, tăng 3,9% so với cùng kỳ.

## **8. Các hoạt động dịch vụ**

### **8.1. Vận tải**

Hoạt động kinh doanh vận tải kho bãi trên địa bàn tỉnh trong quý III và 9 tháng tiếp tục được duy trì ổn định và có tăng trưởng khá. Mặc dù thời tiết trong quý III/2024 có mưa nhiều gây sạt lở đất đá ảnh hưởng tới việc lưu thông của các phương tiện trên một số tuyến đường giao thông. Tuy nhiên các cơ quan chức năng đã có nhiều cố gắng, kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai góp phần giúp các phương tiện giao thông lưu thông đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh cũng như nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho các công trình xây dựng đang được đẩy nhanh tiến độ hoàn thành.

Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 9/2024 đạt 85,9 tỷ đồng, tăng 1,67% so với tháng trước và tăng 14,74% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách ước 31,2 tỷ đồng, tăng 0,19% so với tháng trước và tăng 14,43% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa 53,7 tỷ đồng, tăng 2,45% so với tháng trước và tăng 15,26% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 0,7 tỷ đồng, tăng 5,07% so với tháng trước và giảm 10,49% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát 0,3 tỷ đồng, tăng 10,51% so với tháng trước, tăng 30,06% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải kho bãi quý III năm 2024 ước đạt 249,4 tỷ đồng, tăng 4,22% so với quý trước và tăng 16,78% so với quý cùng kỳ. Trong đó: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 90,0 tỷ đồng, giảm 0,09% so với quý trước và tăng 17,0% so với quý cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa ước 156,3 tỷ đồng tương đương tăng 7,25% so với quý trước và tăng 16,94% so với quý cùng kỳ; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 2,1 tỷ đồng (-20,5%)<sup>9</sup> và (-0,98%); doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 0,88 tỷ đồng (+18,91%) và (+16,75%).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 doanh thu vận tải và dịch vụ kho bãi ước đạt 727,1 tỷ đồng tăng 19,35% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 265,9 tỷ đồng, tăng 18,54% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa ước 450,5 tỷ đồng, tăng 19,82% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 8,3 tỷ đồng, tăng 20,18%; hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 2,4 tỷ đồng, tăng 19,07% so với cùng kỳ.

**Hình 6: Khối lượng vận tải hành khách, hàng hóa 9 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)**



#### 8.1.1. Vận tải hành khách

Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 9/2024 ước đạt 408,9 nghìn người, tăng 0,19% so với tháng trước và tăng 14,43% so với tháng cùng kỳ; khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 59.407,8 nghìn người/km, tăng 3,28% so với tháng trước và tăng 18,31% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>9</sup> do ảnh hưởng bởi thời tiết mưa lớn dài ngày, kèm theo sụt lún đất đá gây tắc nghẽn trên một số tuyến đường tác động tới doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải giảm so với quý trước.

Khối lượng hành khách vận chuyển quý III/2024 ước đạt 1.164,6 nghìn người, tăng 14,4% so với quý trước và tăng 19,04% so với quý cùng kỳ; khối lượng hành khách luân chuyển quý III/2024 ước đạt 166.814,9 nghìn người/km, tăng 16,72% so với quý trước và tăng 16,57% so với quý cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 khối lượng hành khách vận chuyển đạt 3.170 nghìn người, tăng 18,54% so với cùng kỳ; khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 429.658,8 nghìn người/km, tăng 18,56% so với cùng kỳ năm trước.

#### *8.1.2. Vận tải hàng hoá*

Khối lượng hàng hoá vận chuyển tháng 9/2024 ước đạt 343,8 nghìn tấn, tăng 2,77% so với tháng trước và tăng 13,37% so với tháng cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 15.076,5 nghìn tấn/km, tăng 10,96% so với tháng trước và tăng 14,77% so với tháng cùng kỳ.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển quý III/2024 ước đạt 971,4 nghìn tấn, tăng 2,21% so với quý trước và tăng 17,07% so với quý cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển quý III/2024 ước đạt 40.223,9 nghìn tấn/km giảm 8,77% so với quý trước do ảnh hưởng bởi mưa lớn kéo dài, giao thông tắc nghẽn tác động tới khối lượng hàng hóa luân chuyển giảm so với quý trước, tuy nhiên luân chuyển hàng hóa tăng 14,72% so với quý cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 2.919,5 nghìn tấn, tăng 20,82% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 126.942,4 nghìn tấn/km, tăng 19,80% so với cùng kỳ.

### **8.2. Thương mại- Giá cả**

#### **8.2.1. Thương mại**

Trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024, các cơ sở kinh doanh thương mại hoạt động ổn định, đảm bảo đủ nguồn hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Hiện nay thời tiết mùa Thu đang dần chuyển sang mùa Đông, học sinh các cấp bước vào năm học mới 2024-2025 nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng Thu - Đông và sách vở đồ dùng học sinh tăng cao. Cùng với tác động của việc điều chỉnh lương cơ bản tăng 30% và điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp xã hội tăng 15% từ 01/7/2024, góp phần cải thiện đời sống người hưởng lương và các đối tượng hưởng chế độ trợ cấp và các chính sách hỗ trợ góp phần làm tăng sức mua tạo dòng chảy tiền tệ vào sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do thời tiết trong quý III mưa nhiều và chịu tác động nhẹ từ cơn bão số 3 dẫn đến lượng khách du lịch đến Hà Giang tham quan giảm nhẹ phần nào tác động đến doanh thu thương mại dịch vụ trong 9 tháng đầu năm.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước thực hiện tháng 9/2024 ước đạt 1.699,2 tỷ đồng, tăng 7,86% so với tháng trước, tăng 15,77% so với tháng cùng kỳ, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.356,9 tỷ đồng chiếm

79,86% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 8,51% so với tháng trước và tăng 16,46% so với tháng cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống, lữ hành ước đạt 246,5 tỷ đồng, tăng 4,01% so với tháng trước và tăng 12,89% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 95,8 tỷ đồng, tăng 8,98% so với tháng trước và tăng 13,70% so với tháng cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng quý III/2024 ước đạt 4.775,7 tỷ đồng, tăng 2,02% so với quý trước và tăng 13,86% so với quý cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 3.812,8 tỷ đồng, tăng 2,76% so với quý trước và tăng 12,98% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 697,7 tỷ đồng, giảm 3,37% so với quý trước<sup>10</sup> và tăng 19,46% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 265,1 tỷ đồng, tăng 6,58% so với quý trước và tăng 12,60% so với cùng kỳ.

**Hình 7: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)**



Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 14.180,7 tỷ đồng, tăng 17,38% so với cùng kỳ, trong đó:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 11.222,6 tỷ đồng (chiếm 79,14% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ), tăng 16,56% so với cùng kỳ. Một số nhóm ngành hàng có doanh thu bán lẻ tăng cao so với cùng kỳ như: Đá quý và kim loại ước 22,1 tỷ đồng, tăng 49,25%; nhóm gỗ và vật liệu

<sup>10</sup> Do quý lượng mưa trong quý nhiều dẫn đến lượng khách du lịch giảm nhẹ so với quý trước. Đây là nguyên nhân chính tác động làm doanh thu nhóm lưu trú, ăn uống và du lịch giảm so với quý trước.

xây dựng ước 2.186,8 tỷ đồng, tăng 18,2%; nhóm hàng hóa khác 363,7 tỷ đồng, tăng 20,91%; nhóm xăng dầu các loại 1.557,0 tỷ đồng, tăng 12,03%; nhóm nhiên liệu khác 230,4 tỷ đồng, tăng 15,19%;...

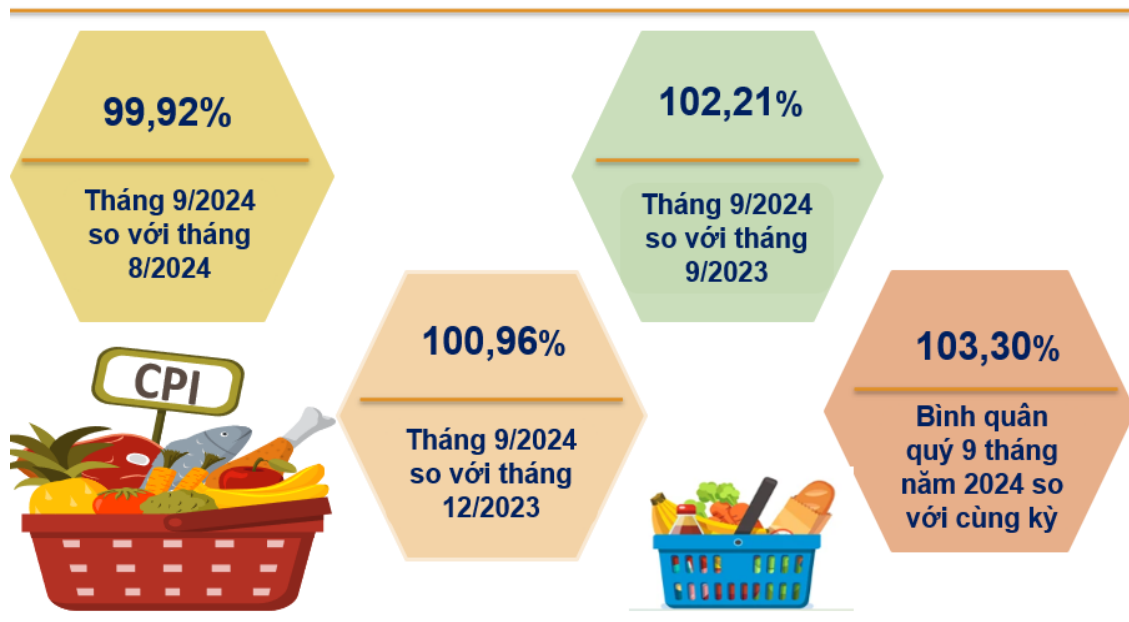
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 2.199,7 tỷ đồng, tăng 21,72% so với cùng kỳ<sup>11</sup>. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước 222,8 tỷ đồng, tăng 26,39% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ ăn uống ước 1.956,5 tỷ đồng, tăng 21,22% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ lữ hành ước 20,5 tỷ đồng, tăng 21,43% so với cùng kỳ.

- Doanh thu dịch vụ khác 9 tháng đầu năm 2024 ước đạt 785,3 tỷ đồng, tăng 17,34% so với cùng kỳ. Một số nhóm dịch vụ có tốc độ tăng cao hơn mức bình quân chung như: dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 71,32%; dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 97,44% (do số lượng hồ sơ đăng ký thi bằng lái xe ô tô tăng cao so với cùng kỳ năm trước); dịch vụ khác tăng 26,27%; dịch vụ hành chính hỗ trợ tăng 42,72%...

### 8.2.2. Giá cả hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 năm 2024 giảm 0,08% so với tháng trước; tăng 0,96% so với tháng 12 năm trước; tăng 2,21% so với tháng cùng kỳ; tăng 11,83% so với kỳ gốc 2019. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 3,30% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 8: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 năm 2024**



<sup>11</sup> Trong 9 tháng năm 2024 lượng khách du lịch đến địa bàn tỉnh tăng, đặc biệt là vào quý I/2024, là thời điểm nở rộ của nhiều loại hoa, kích thích nhu cầu đi du lịch của người dân tăng cao. Cùng với rất nhiều các lễ hội và các ngày nghỉ Lễ dài trong năm (30/4, 1/5, ngày giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch, ngày 2/9 ...) là các nguyên nhân tác động làm tăng lượng khách du lịch đến Hà Giang, tác động làm tăng doanh thu nhóm dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch so với cùng kỳ.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2024 nhìn chung khá ổn định so với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa có 05 nhóm hàng hóa có chỉ số tăng, 04 nhóm có chỉ số giảm và 02 nhóm có chỉ số tương đương so với chỉ số chung, cụ thể như sau: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,58%; may mặc mũ nón và giày dép tăng 0,67%; bưu chính viễn thông tăng 0,18%; giáo dục tăng 1,24%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,11%. Nhóm hàng hóa có chỉ số giảm là: Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,16%; thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,11%; giao thông giảm 2,84%; văn hóa giải trí và du lịch giảm 1,29%.

Bình quân 9 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,30% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó 7/11 nhóm hàng có chỉ số tăng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,33%; đồ uống, thuốc lá tăng 1,01%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,0%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 16,75%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 9,25%; giáo dục tăng 1,64%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,68%. Có 4/11 nhóm hàng chỉ số giá bình quân 9 tháng năm nay giảm so với bình quân cùng kỳ: Thiết bị, đồ dùng gia đình giảm 0,93%; giao thông giảm 1,50%; bưu chính viễn thông giảm 2,09%; văn hóa giải trí và du lịch giảm 1,70%.

Chỉ số giá vàng so với tháng trước tăng 1,91%; so với tháng 12 năm trước tăng 28,17%; so với cùng kỳ tăng 37,22%; so với kỳ gốc 2019 tăng 100,96%; bình quân 9 tháng tăng 30,01%.

Chỉ số giá đô la Mỹ so với tháng trước giảm 1,82%; so với tháng 12 năm trước tăng 1,46%; so với cùng kỳ tăng 1,51% và so với kỳ gốc 2019 tăng 6,52%; bình quân 9 tháng tăng 5,40%.

### **8.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa**

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh tháng 9/2024 ước đạt 29,6 triệu USD, tăng 5,33% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 11,6 triệu USD tăng 4,50%; kim ngạch nhập khẩu 10,6 triệu USD, tăng 65,62%; loại hình khác (hàng chuyển cửa khẩu, xuất kho ngoại quan, tạm nhập tái xuất) 7,4 triệu USD, giảm 30,20% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 tổng kim ngạch XNK trên địa bàn tỉnh ước đạt 232,6 triệu USD, tăng 2,70% so với cùng kỳ, trong đó:

- Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 126,6 triệu USD giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2023 (-130,7 triệu USD); Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Quả tươi các loại (thanh long, vải, mít, sầu riêng, chuối...), tinh bột sắn; hạt lạc nhân; ván bóc, bánh đậu xanh, thốt tròn thành phẩm, Antimon kim loại...

- Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 71,5 triệu USD tăng 35,1% so với cùng kỳ năm 2023 (+52,9 triệu USD); Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Máy móc thiết bị các loại, hoa, rau củ quả tươi, Năng lượng điện, Thiết bị thủy điện; Ô tô bơm bê tông, Máy móc phục vụ sản xuất NN; Rau củ quả các loại, than cốc, hàng hóa khác..

### **8.4. Hoạt động du lịch**

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền quảng bá hình ảnh, con người Hà Giang đến với khách du lịch trong nước và quốc tế thông qua các doanh nghiệp lữ hành, ấn phẩm du lịch, các trang thông tin điện tử, fanpage của Ngành, mạng xã hội. Đăng tải chuyên mục “Mỗi ngày một địa chỉ” giới thiệu các địa chỉ nhà hàng, khách sạn, làng văn hoá du lịch cộng đồng...điểm đến tiêu biểu của tỉnh Hà Giang trên trang fanpage của Trung tâm Xúc tiến du lịch. Triển khai các hoạt động truyền thông quảng bá thương hiệu “Hà Giang - Điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu châu Á”, Hà Giang - điểm đến văn hoá khu vực hàng đầu Châu Á” và thực hiện truyền thông để vận động bình chọn “Hà Giang là điểm đến văn hoá khu vực hàng đầu thế giới”.

Phối hợp tổ chức Hội nghị xúc tiến Văn hoá, Du lịch và thương mại tỉnh Hà Giang, Việt Nam và châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; trình Sở Ngoại vụ Đề án Tổ chức Đoàn đại biểu văn hóa - du lịch tỉnh Hà Giang và doanh nghiệp du lịch sang khảo sát nghiên cứu thị trường, công tác phát triển sản phẩm du lịch, kết nối tuor tuyến du lịch và Hội nghị quốc tế “xúc tiến quảng bá văn hoá và du lịch tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc và tỉnh Hà Giang, Việt Nam năm 2024”. Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai các hoạt động liên kết hợp tác phát triển du lịch 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng và TP. Hồ Chí Minh 2024 của tỉnh Hà Giang. Tham gia chương trình khai mạc năm du lịch Quốc gia 2024 tại Điện Biên; triển khai liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa tỉnh Hà Giang và tỉnh Bình Định. Xây dựng kế hoạch tham gia trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm du lịch đặc trưng tỉnh Hà Giang tại các sự kiện của tỉnh và các sự kiện trong khối hợp tác 8 tỉnh Tây Bắc Mở rộng và thành phố Hồ Chí Minh; Nhóm hợp tác 6 tỉnh Việt Bắc và các tỉnh thành trong cả nước<sup>12</sup>. Tính đến tháng 9/2024, toàn tỉnh có 982 cơ sở lưu trú, 9.039 buồng, 18.650 phòng, tăng 61 cơ sở lưu trú so với năm 2023, tăng 108 cơ sở so với cùng kỳ. Trong 9 tháng đầu năm 2024 Hà Giang đón khoảng 2.468.000 lượt du khách, trong đó 290.584 lượt khách quốc tế và 2.177.416 lượt khách nội địa (tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 77,1% kế hoạch năm), doanh thu du lịch đạt 6.120 tỷ đồng.

## **9. Thông tin về tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam**

***9.1. Các tổ chức quốc tế lạc quan về triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2024 : Hầu hết các tổ chức quốc tế đều nâng triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 so với dự báo trước đó.***

*Fitch Ratings (FR):* Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 9/2024, FR dự báo kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 2,7%, cao hơn 0,1 điểm phần

<sup>12</sup> Tham gia không gian trưng bày giới thiệu sản phẩm văn hoá du lịch gắn với khai mạc Năm du lịch Quốc gia Điện Biên và Lễ hội Hoa ban Điện Biên năm 2024 trong khuôn khổ năm du lịch Quốc gia Điện Biên năm 2024; Hội chợ du lịch quốc tế VITM Hà Nội năm 2024; Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 20 năm 2024; lễ hội Văn hóa, Du lịch, Âm thực quốc tế Hà Giang lần thứ nhất năm 2024; Hội nghị Xúc tiến Văn hoá, Du lịch và Thương mại Châu Văn Sơn tại Hà Nội; Trưng bày quảng bá các sản phẩm du lịch, sản phẩm đặc trưng tỉnh Hà Giang tại Hội nghị Xúc tiến điểm đến du lịch 6 tỉnh Việt Bắc tại thành phố Đà Nẵng năm 2024; Lễ hội Du lịch Hà Nội năm 2024; Qua những miền di sản Việt Bắc năm 2024 tại tỉnh Bắc Kạn...



trăm so với dự báo trong tháng 6/2024. Với nền kinh tế Hoa Kỳ, dự báo tăng trưởng năm 2024 được FR điều chỉnh tăng thêm 0,4 điểm phần trăm so với tháng 6/2024, đạt 2,5%. Chu kỳ nói lỏng của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) được kỳ vọng sẽ bắt đầu sớm, nhưng lãi suất sẽ vẫn hạn chế vào năm 2025 và tác động của việc cắt giảm lãi suất đối với tăng trưởng sẽ không nhiều. FR nhận định tăng trưởng của Trung Quốc đạt 4,8%, tăng trưởng của khu vực đồng Euro đạt 0,8% trong năm 2024.

*Liên hợp quốc (UN):* Trong báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới tháng 9/2024, UN nhận định triển vọng kinh tế toàn cầu đạt 2,7% trong năm 2024, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 01/2024, nhờ hoạt động kinh tế tốt hơn dự kiến ở Hoa Kỳ và triển vọng tăng trưởng ngắn hạn được cải thiện ở các nền kinh tế lớn khác, nhất là Bra-xin, Ấn Độ và Vương quốc Anh. Tăng trưởng kinh tế của Liên minh châu Âu dự báo đạt 1,0% năm 2024, giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 01/2024 do nền kinh tế Đức tăng trưởng thấp hơn dự kiến bởi ảnh hưởng từ nhu cầu trong nước yếu và suy thoái kéo dài của lĩnh vực sản xuất.

*Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD):* Trong báo cáo Triển vọng kinh tế sơ bộ tháng 9/2024, OECD nhận định kinh tế toàn cầu vẫn kiên cường trong nửa đầu năm 2024 khi đạt mức tăng trưởng 3,2%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2024. Lạm phát giá tiêu dùng giảm góp phần hỗ trợ chi tiêu hộ gia đình, phần nào trung hòa tác động tiêu cực từ các điều kiện tài chính hạn chế và bất ổn từ các cuộc xung đột đang diễn ra ở U-crai-na và Trung Đông. Tăng trưởng của Hoa Kỳ tăng trong Quý II/2024 nhờ tiêu dùng tư nhân tăng. Tăng trưởng GDP cũng tương đối mạnh ở một số nền kinh tế phát triển khác bao gồm Ca-na-đa, Tây Ban Nha và Vương quốc Anh. Tăng trưởng ở các nền kinh tế thị trường mới nổi khá khác biệt, theo đó một số quốc gia như Bra-xin, Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a đạt tăng trưởng tốt nhưng Mê-hi-cô tăng trưởng chậm lại. Tại Trung Quốc, xuất khẩu tăng mạnh thúc đẩy tăng trưởng sản xuất công nghiệp nhưng nhu cầu tiêu dùng vẫn ở mức khiêm tốn và lĩnh vực bất động sản vẫn đang tiếp tục điều chỉnh.

*Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF):* Theo báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới cập nhật tháng 7/2024 của IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 dự báo đạt 3,2%, giữ nguyên so với dự báo trong tháng 4/2024. Khoảng cách tăng trưởng giữa các nền kinh tế đang dần thu hẹp so với thời điểm đầu năm 2024 khi các yếu tố chu kỳ yếu dần và hoạt động kinh tế dần phù hợp hơn so với mức tiềm năng. Tại Hoa Kỳ, tốc độ tăng trưởng chậm lại phản ánh tiêu dùng giảm và đóng góp tiêu cực từ thương mại ròng. Nhật Bản đối mặt với tăng trưởng âm do gián đoạn nguồn cung tạm thời liên quan đến việc đóng cửa một nhà máy ô tô lớn vào đầu năm 2024. Ngược lại, phục hồi kinh tế đã xuất hiện ở châu Âu, với sự cải thiện trong hoạt động dịch vụ. Tại Trung Quốc, tiêu dùng trong nước hồi phục nhờ xuất khẩu tăng khi nhu cầu toàn cầu dần phục hồi.

## **9.2. Tổng quan về biến động thị trường thế giới**

### ***Thương mại hàng hóa toàn cầu cải thiện dần trong nửa cuối năm 2024***

Thước đo thương mại hàng hóa của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tháng 9/2024 đạt 103,0 cho thấy thương mại hàng hóa có xu hướng tăng trong Quý III/2024. Tuy nhiên, triển vọng tăng vẫn chưa chắc chắn do chính sách tiền tệ thay đổi ở các nền kinh tế phát triển và đơn đặt hàng xuất khẩu giảm. Phần lớn các chỉ số thành phần của thước đo đều bằng hoặc trên xu hướng, ngoại trừ chỉ số thành phần điện tử (95,4) dưới xu hướng và đang giảm. Các chỉ số thành phần của sản phẩm ô tô (103,3), vận chuyển container (104,3) và vận tải hàng không (107,1) đều đang vững chắc trên xu hướng, mặc dù các sản phẩm ô tô gần đây đã giảm đà tăng. Đơn hàng xuất khẩu mới (101,2) có xu hướng giảm. Chỉ số nguyên vật liệu thô (99,3) gần như theo xu hướng nhưng có dấu hiệu giảm trong thời gian tới.

UN và OECD cũng đồng quan điểm khi nhận định thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi từ nửa đầu năm 2024, thể hiện qua khối lượng thương mại hàng hóa và dịch vụ tăng, đặc biệt trong Quý II/2024, do gia tăng xuất khẩu của khu vực châu Á và Bắc Mỹ. Tuy nhiên, tăng trưởng thương mại dịch vụ đang chậm lại vì hoạt động du lịch đã gần như quay về mức trước đại dịch ở hầu hết các khu vực. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) chế biến, chế tạo toàn cầu tăng trong nửa đầu năm 2024, phản ánh thương mại toàn cầu và các hoạt động sản xuất đều tăng. Tuy nhiên, sử dụng các biện pháp hạn chế thương mại nhiều hơn, chi phí vận chuyển hàng hóa cao hơn và địa chính trị bất ổn cũng đe dọa sự phục hồi của thương mại và giá trị sản xuất công nghiệp toàn cầu.

### ***Lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm về mức mục tiêu***

Trong bối cảnh áp lực giá cả giảm trên diện rộng, UN và OECD đều nhận định lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm trong nửa đầu năm 2024. Ở nhiều nước phát triển, lạm phát đang dần tiến gần đến mức mục tiêu của ngân hàng trung ương, ngay cả khi tăng trưởng tiền lương và lạm phát giá dịch vụ vẫn ở mức cao. Chỉ số giá chi tiêu dùng cá nhân (PCE) tại Hoa Kỳ và chỉ số giá tiêu dùng hài hòa (HICP) ở khu vực đồng Euro trong tháng 6/2024 chỉ tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, nhìn chung đang tiến gần đến mục tiêu lạm phát 2,0% của các ngân hàng trung ương. Lạm phát ở nhiều nền kinh tế đang phát triển cũng đã giảm nhưng vẫn cao hơn so với các nền kinh tế phát triển, trừ Trung Quốc đang đối mặt với lạm phát thấp trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng yếu.

Báo cáo Toàn cầu hàng tháng của WB số ra tháng 7/2024 nhận định giá hàng hóa nhìn chung ổn định trong tháng 6/2024 khi giá năng lượng trung bình tăng 1,1% so với tháng trước, trong khi giá phi năng lượng giảm 1,3%. Vào thời điểm cuối tháng 7/2024, giá dầu thô Brent trung bình đạt 85 đô la/thùng, tăng so với mức 82,60 đô la/thùng trong tháng 6/2024. Giá kim loại giảm trong tháng 6/2024 do các hoạt động kinh tế có dấu hiệu yếu đi tại Trung Quốc đã làm giảm đáng kể giá niken (-11%), đồng (-5%) và kẽm (-5%) so với cùng kỳ tháng trước.

Giá nông sản ổn định khi giá cà phê và ca cao tăng được bù đắp bởi giá lương thực giảm (đặc biệt là lúa mì). Chỉ số giá lương thực, thực phẩm của FAO (FFPI)<sup>13</sup> đạt 120,7 điểm vào tháng 8/2024, giảm nhẹ so với tháng trước khi chỉ số giá đường, thịt và ngũ cốc giảm nhiều hơn so với mức tăng của dầu thực vật và các sản phẩm từ sữa. Chỉ số FFPI trong tháng 8/2024 thấp hơn 1,1% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn 24,7% so với mức đỉnh 160,3 điểm của tháng 3/2022.

### ***Điều kiện tài chính vẫn còn hạn chế nhưng đang tiếp tục nói lỏng***

OECD cho rằng các điều kiện tài chính toàn cầu vẫn còn hạn chế nhưng đang tiếp tục nói lỏng và lãi suất chính sách sẽ tiếp tục giảm nhanh hơn dự kiến. Lãi suất thực dài hạn vẫn ở mức cao so với thập kỷ trước tại Hoa Kỳ, khu vực đồng Euro, Vương quốc Anh và các thị trường mới nổi như Bra-xin. Tuy nhiên, lợi suất trái phiếu danh nghĩa dài hạn đã giảm và việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã tăng lên. Giá cổ phiếu đã tăng ở Hoa Kỳ cũng như một số thị trường mới nổi bao gồm Ấn Độ, Bra-xin và Nam Phi. Trong khi tăng trưởng tín dụng đã bắt đầu phục hồi ở một số nền kinh tế phát triển, các tiêu chuẩn cho vay của ngân hàng vẫn chặt chẽ. Đồng tiền mất giá ở Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-xi-cô và Thổ Nhĩ Kỳ đã giúp tăng nguồn thu xuất khẩu nhưng cũng làm tăng chi phí trả nợ bằng đô la Mỹ và tạo ra áp lực tăng lạm phát. Khủng hoảng nợ công vẫn tiếp diễn ở một số nền kinh tế thị trường mới nổi, đặc biệt ở các nền kinh tế có thu nhập thấp.

Tương tự, UN nhận định áp lực lạm phát giảm đã tạo điều kiện nói lỏng tiền tệ ở nhiều quốc gia. Trong nửa đầu năm 2024, số lượng ngân hàng trung ương hạ lãi suất nhiều hơn so với tăng lãi suất. Tuy nhiên, do lạm phát cơ bản và lạm phát giá dịch vụ giảm không nhiều nên các cơ quan tiền tệ nhìn chung vẫn thận trọng trong việc cắt giảm lãi suất. Tốc độ nói lỏng tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn tại các nước phát triển trong các quý tới sẽ phụ thuộc vào diễn biến của giảm lạm phát và những thay đổi tiềm ẩn trong triển vọng tăng trưởng và việc làm. Trái ngược với các ngân hàng trung ương của các nước phát triển khác, Ngân hàng Nhật Bản đã bắt đầu chu kỳ thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất vào tháng 3 và tháng 7 năm 2024 để hỗ trợ đồng yên và ứng phó với lạm phát tăng.

### ***Áp lực thị trường lao động đã giảm một phần do tăng cung lao động***

Theo OECD, áp lực thị trường lao động đã giảm bớt, một phần do nguồn cung lao động tăng. Tình trạng thiếu hụt lao động cũng tiếp tục giảm nhẹ ở nhiều nền kinh tế phát triển khi tỷ lệ thất nghiệp chỉ tăng khoảng 0,5 điểm phần trăm tại Ác-hen-ti-na, Ca-na-đa, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ trong Quý II/2024. Điều này phản ánh nhu cầu lao động đang giảm nhẹ, với tốc độ tăng trưởng việc làm chậm lại ở một số quốc gia. Ngoài ra, lao động nước ngoài tăng đã chiếm phần lớn mức tăng trưởng của lực lượng lao động tại Úc, Ca-na-đa, Hoa Kỳ và nhiều nước châu Âu.

<sup>13</sup> FAO (Tháng 9/2024), “Chỉ số giá lương thực thực phẩm”, <https://www.fao.org/worldfoodsituation/foodpricesindex/en/>, truy cập ngày 26/9/2024.

**9.3. Một số nhân tố rủi ro tác động tới triển vọng kinh tế thế giới :** Trong ngắn hạn, IMF đề cập đến ba rủi ro chính đối với triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới như sau.

*Thứ nhất, rủi ro lạm phát tăng do giá dịch vụ giảm chậm và áp lực giá phát sinh từ căng thẳng thương mại hoặc địa chính trị.* Rủi ro lạm phát dai dẳng trong lĩnh vực dịch vụ gắn liền với việc thiết lập mặt bằng tiền lương và giá cả vì chi phí cho lao động chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí của lĩnh vực dịch vụ. Căng thẳng thương mại leo thang có thể làm tăng thêm rủi ro lạm phát trong ngắn hạn do làm tăng chi phí hàng hóa nhập khẩu theo chuỗi cung ứng.

*Thứ hai, nguy cơ lãi suất tăng cao hơn trong thời gian dài hơn do rủi ro lạm phát gia tăng, từ đó làm tăng rủi ro tài chính.* Đồng đô la Mỹ tăng giá do chênh lệch lãi suất có thể làm gián đoạn dòng vốn và cản trở chính sách nới lỏng tiền tệ theo kế hoạch, điều này có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Lãi suất cao liên tục có thể làm tăng thêm chi phí vay và ảnh hưởng đến ổn định tài chính nếu những cải thiện về tài chính không bù đắp được lãi suất thực cao hơn trong bối cảnh tăng trưởng tiềm năng thấp hơn.

*Thứ ba, có thể có những thay đổi đáng kể trong chính sách kinh tế xuất phát từ kết quả của các cuộc bầu cử năm nay, với những tác động tiêu cực đến phần còn lại của thế giới.* Những thay đổi tiềm ẩn kéo theo rủi ro tài chính sẽ làm trầm trọng thêm gánh nặng nợ và đẩy mạnh chủ nghĩa bảo hộ. Thuế quan thương mại, cùng với việc mở rộng các chính sách công nghiệp trên toàn thế giới, có thể tạo ra những tác động tiêu cực lan tỏa xuyên biên giới, cũng như kích hoạt sự trả đũa, dẫn đến một cuộc chạy đua tụt kém.

#### **9.4. Đánh giá của các tổ chức về tình hình kinh tế Việt Nam 2024**

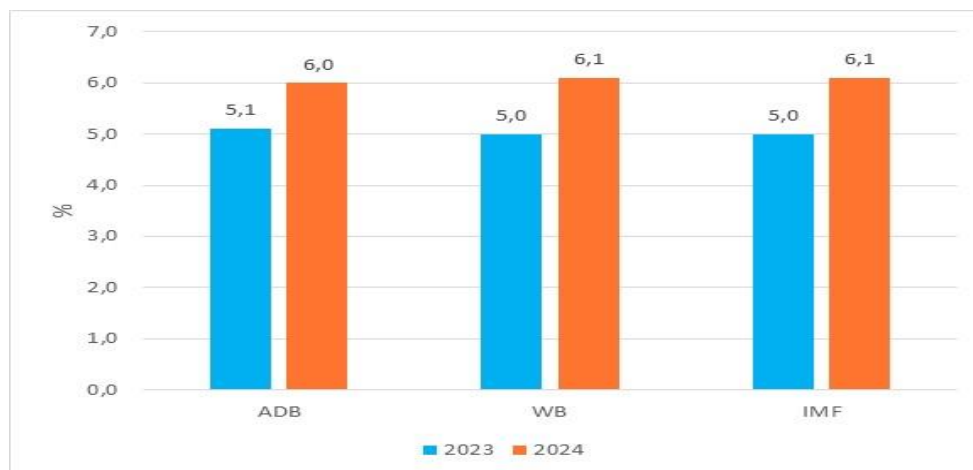
**Dự báo của ADB (Ngân hàng phát triển Châu Á):** ADB dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2024 đạt 6,0%, không đổi so với dự báo trong tháng 4/2024. Nền kinh tế tiếp tục phục hồi ổn định, với mức tăng trưởng 6,4% trong nửa đầu năm 2024. Nhập khẩu, xuất khẩu và nhu cầu trong nước phục hồi mạnh mẽ, chính sách tiền tệ mang tính thích ứng là những nhân tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng của Việt Nam. Mặc dù sản xuất công nghiệp được hỗ trợ bởi nhu cầu ngoài nước đối với các mặt hàng điện tử nhưng vẫn cần thận trọng khi triển vọng tăng trưởng toàn cầu không chắc chắn. Bên cạnh đó, các biện pháp tài khóa như tiếp tục giảm 2,0% thuế giá trị gia tăng và những nỗ lực giải ngân vốn đầu tư công sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2024.

**Dự báo của WB (Ngân hàng thế giới):** Triển vọng kinh tế của Việt Nam được nhìn nhận tích cực, với cơ hội và rủi ro nhìn chung ở thế cân bằng. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6,1% năm 2024, tăng 0,6 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2024. Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng chế biến, chế tạo dự kiến sẽ chững lại trong nửa cuối năm 2024, sau khi phục hồi ở mức 16,9% (so với cùng kỳ năm trước) trong nửa đầu năm 2024. Thị trường bất động sản cho thấy dấu hiệu phục hồi và dự báo sẽ xoay chiều vào cuối năm 2024 và đầu 2025 sau khi giải quyết được

tình trạng đóng băng thị trường trái phiếu doanh nghiệp và Luật đất đai có hiệu lực từ tháng 8/2024. Trong điều kiện xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng và bất động sản có dấu hiệu phục hồi, nhu cầu trong nước sẽ tăng lên vào nửa cuối năm 2024 khi tâm lý nhà đầu tư và người tiêu dùng được cải thiện. Lạm phát dự kiến ở mức 4,5% trong năm 2024. Bên cạnh đó tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể phải đối mặt với một số rủi ro chính là tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể thấp hơn dự kiến, nhất là tăng trưởng một số đối tác thương mại lớn như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, và Trung Quốc, có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu các mặt hàng chế biến, chế tạo và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng. Ngoài ra, đối với trong nước, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định có thể tác động tiêu cực đến niềm tin của người tiêu dùng và các nhà đầu tư, ảnh hưởng đến tiêu dùng và đầu tư. Thị trường bất động sản hồi phục chậm hơn dự kiến, tác động xấu đến đầu tư của khu vực tư nhân. Việt Nam là một trong những quốc gia có nguy cơ dễ bị tổn thương nhất với biến đổi khí hậu. Thiên tai do biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng cũng có thể là một rủi ro tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

**Dự báo của IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế):** Năm 2023, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 5,0% nhờ chính phủ hành động quyết liệt. Kinh tế bắt đầu phục hồi vào cuối năm 2023 do xuất khẩu và du lịch phục hồi, chính sách tài khóa và tiền tệ mở rộng phù hợp. Tăng trưởng kinh tế dự kiến đạt 6,1% trong năm 2024 do nhu cầu bên ngoài mạnh, đầu tư trực tiếp nước ngoài ổn định và chính phủ áp dụng các chính sách nới lỏng. Nhu cầu trong nước dự kiến sẽ phục hồi dần khi các doanh nghiệp phần nào vượt qua khó khăn tín dụng và dự kiến lĩnh vực bất động sản hồi phục hoàn toàn trong trung hạn. Lạm phát năm 2024 dự kiến sẽ dao động quanh mục tiêu 4 - 4,5% của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, nền kinh tế cũng phải đối mặt với rủi ro giảm tăng trưởng như: Xuất khẩu, động lực chính của nền kinh tế Việt Nam, có thể suy yếu do triển vọng tăng trưởng toàn cầu không chắc chắn trước căng thẳng địa chính trị hoặc tranh chấp thương mại. Việc nới lỏng tiền tệ có thể gây áp lực lên tỷ giá hối đoái, khiến lạm phát trong nước tăng. Bất kỳ sự suy giảm nào trong lĩnh vực bất động sản và thị trường trái phiếu doanh nghiệp sẽ làm gia tăng áp lực đối với khả năng mở rộng tín dụng của các ngân hàng, tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế và ổn định tài chính trong thời gian tới.

**Hình 9. Đánh giá tăng trưởng Việt Nam của một số tổ chức quốc tế**



## II. CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI

### 1. Giải quyết việc làm, hỗ trợ lao động thất nghiệp

Công tác tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm và kết nối cung, cầu lao động; đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài luôn được ngành chức năng quan tâm thực hiện. Phối hợp với các huyện đẩy mạnh hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm gắn với thị trường và kết nối cung, cầu lao động, tổ chức 09 hội chợ việc làm tại các huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên, Mèo Vạc, Yên Minh, Quang Bình, Bắc Mê giúp người lao động tiếp cận với doanh nghiệp và thông tin việc làm để tìm kiếm việc làm. Trong 9 tháng đã có 5.603 lượt người lao động đi làm việc tại Trung Quốc theo Thỏa thuận. Triển khai tổ chức 156 hội nghị tư vấn giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động, định hướng nghề nghiệp cho học sinh khối 12 trên địa bàn tỉnh với 9.835 người (đạt 75,6%KH, giảm 36,3% so với cùng kỳ năm 2023). Giới thiệu việc làm thành công cho 822 người đi làm việc ngoài tỉnh. Tiếp nhận nhu cầu tuyển dụng trực tuyến của 137 đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh, hỗ trợ cho 152 người lao động đăng ký tìm việc làm trực tuyến; Ban hành quyết định giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 2.493 người kết hợp với tư vấn việc làm, học nghề cho người lao động.

Ước thực hiện 9 tháng, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 18.378 lao động đạt 102% KH, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó lao động làm việc tại địa phương 5.062 người; lao động làm việc ngoài tỉnh 13.316 người (lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 147 người; Nhật Bản 93 người, Đài Loan 46 người, Hàn Quốc 02 người, Rumani và các nước khác 06 người; lao động đi làm việc các tỉnh trong nước 13.169 người).

### 2. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Tình hình đời sống dân cư của tỉnh trong 9 tháng đầu năm 2024 nhìn chung ổn định, các hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, các hoạt động dịch vụ, du lịch phát triển tốt, nhất là hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ được tăng cường để phục vụ nhu cầu của khách du lịch đến địa bàn tỉnh tăng đột biến trong dịp tết Nguyên đán và các kỳ nghỉ lễ 30/4 - 01/5; các chương trình mục tiêu quốc gia, các công trình dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ thu hút và tạo việc làm cho lực lượng lao động trong tỉnh. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Đồng bào các dân tộc chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội được quan tâm bố trí ngân sách và tổ chức thực hiện, nhất là chính sách hỗ trợ trực tiếp đến người nghèo như hỗ trợ phát triển sản xuất, cứu đói, cứu tế, khắc phục thiệt hại do thiên tai, hỗ trợ y tế, giáo dục, an sinh xã hội... giúp người nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản và các thành tựu phát triển kinh tế xã hội.

Công tác đền ơn đáp nghĩa luôn được các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện tốt đối với các đối tượng chính sách xã hội, người có công thông qua các hoạt động tổ chức kỷ niệm các ngày tết, lễ của dân tộc. Tổ chức triển khai các hoạt động thăm chúc tết, tặng quà cho 148 đơn vị làm nhiệm vụ trực tết và 148.096 lượt hộ gia đình chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, đối tượng xã hội, trẻ em, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, người lao động có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh với tổng số tiền trên 68 tỷ đồng. Triển khai hỗ trợ cứu đói trong dịp tết nguyên đán và hộ thiếu đói trong dịp giáp hạt đầu năm 2024 cho 7.070 hộ = 36.230 khẩu với số lương thực cần hỗ trợ là 680.265 kg gạo. Tổ chức thăm tặng 13.923 xuất quà gia đình chính sách người có công với cách mạng và gia đình nạn nhân chất độc da cam nhân dịp 77 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ và Ngày Nạn nhân chất độc da cam với số tiền trên 6.097 triệu đồng. Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” tính đến ngày 31/8/2024 trên địa bàn toàn tỉnh đã thu được trên 2.000 triệu đồng; vận động hỗ trợ làm mới 06 nhà, sửa 12 nhà tình nghĩa, với số tiền 730 triệu đồng; trao tặng 24 sổ tiết kiệm, trị giá 67,5 triệu đồng. Huy động 11.819 ngày công lao động giúp đỡ các gia đình người có công với cách mạng, chăm sóc các phần mộ tại các nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ.

### **3. Giáo dục - đào tạo**

Trong 9 tháng đầu năm 2024, ngành GD&ĐT chủ động tham mưu cho tỉnh ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch đề xuất cơ chế chính sách và các giải pháp để phát triển GD&ĐT, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực cho tỉnh. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức dạy và học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học từng bước được đầu tư, bổ sung, hoàn thiện. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý được tăng cường và không ngừng nâng cao về năng lực, trình độ, tâm huyết với nghề nghiệp.

Tiếp tục thực hiện đề án về nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Hà Giang giai đoạn 2023-2030. Thực hiện hiệu quả kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh Tiểu học vùng dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, tiếp tục triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”. Duy trì và nâng cao chất lượng các Kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh; tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp THPT, công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác giáo dục mũi nhọn; duy trì và phát triển kết quả thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12 THPT.

Công tác tổ chức dạy và học năm học 2023-2024 các trường học đã phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc vận động duy trì sĩ số học sinh tại đơn vị. Tỷ lệ duy trì sĩ số hằng ngày trung bình các cấp học đạt trên 98%, đạt tỉ lệ được giao theo kế hoạch năm 2024 (năm 2024 giao 98%). Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 được tổ chức nghiêm túc, đúng quy chế thi. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 đạt 97,53%, tăng 3,28% so với năm 2023; điểm trung bình các môn thi đạt 5,68, tăng 0,44 điểm so với năm 2023.

Công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp năm 2024-2025 được thực hiện tốt, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch tuyển sinh, hướng dẫn các trường học triển khai cho học sinh, cha mẹ học sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 các trường phổ thông; trường PTDTNT trung học cơ sở trên công dịch vụ công trực tuyến, công tác tuyển sinh hoàn thành trước ngày 31/7/2024. Công tác tuyển sinh vào lớp 10, tỷ lệ hồ sơ đăng ký trực tuyến trên dịch vụ công quốc gia đạt trên 99,04%, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 được tổ chức thành công với tỷ lệ học sinh trúng tuyển 8.270/8.291 học sinh, đạt 99,70% chỉ tiêu kế hoạch giao.

#### **4. Văn hoá - thể thao**

Trong 9 tháng đầu năm 2024 ngành đã tập trung tham mưu và triển khai thực hiện linh hoạt, có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Đồng thời hướng dẫn các cấp tăng cường hoạt động quản lý lễ hội, đặc biệt thực hiện hiệu quả nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, tập trung chỉ đạo công tác quản lý, tổ chức lễ hội, đảm bảo an toàn, tiết kiệm, phù hợp với thuần phong mỹ tục, tập quán tốt đẹp của từng địa phương và truyền thống văn hóa của dân tộc. Gắn việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, các trò chơi dân gian nhằm thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham gia. Kết quả đạt được trên một số lĩnh vực như sau:

*Nghệ thuật biểu diễn:* Trong 9 tháng đầu năm, Đoàn Nghệ thuật tỉnh đã dàn dựng được 06 chương trình mới, bổ sung nâng cấp được 07 chương trình; đã tổ chức biểu diễn phục vụ được 74 buổi<sup>14</sup>. Tham gia 02 Liên hoan hội diễn toàn quốc. Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài PTTH tỉnh tổ chức ghi hình được 05 buổi<sup>15</sup>. Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành lập đoàn cán bộ, nghệ nhân tham dự Ngày hội "Sắc xuân trên mọi miền Tổ quốc" tại Làng Văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam và Hội nghị tuyên dương Già làng, Trưởng bản, nghệ nhân, người có uy tín trong Ngày "Văn hoá các dân tộc Việt Nam" tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam năm 2024<sup>16</sup>.

*Hoạt động tuyên truyền, cổ động, điện ảnh:* Các đơn vị trực thuộc, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, TT&DL các huyện, thành phố bám sát định hướng tuyên truyền của tỉnh để tổ chức các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức đưa các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách pháp luật

<sup>14</sup> Trong đó phục vụ nhiệm vụ chính trị tại tỉnh 24 buổi; phục vụ tại các xã vùng sâu vùng xa 46 buổi; biểu diễn giao lưu ngoại tỉnh 2 buổi. Riêng tháng 9 biểu diễn được 04 buổi.

<sup>15</sup> gồm các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc Chào Xuân Quý Mão, Mừng Đảng mừng xuân 2024 và ca ngợi quê hương đất nước và con người Hà Giang và livestream phát sóng trực tiếp chương trình nghệ thuật "Bản hùng ca đất nước" kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2024) và 49 năm ngày Giải phóng Miền Nam thống nhất Đất nước (30/4/1975-30/4/2024) được tổ chức vào ngày 30/4/2024 để phát sóng trên HGTV và các trang thông tin của tỉnh, ngành; quay MV chương trình Bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc trên địa bàn tỉnh Hà Giang; biểu diễn tại Bảo tàng tỉnh nhân dịp Kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 -19/5/2024).

<sup>16</sup> tại Ngày hội có Nghệ nhân ưu tú Vàng Nhìa Mua xã Vân Chải huyện Đông Văn vinh dự được Bộ Văn hoá trao tặng Bằng khen đã có nhiều thành tích đóng góp trong hoạt động bảo tồn, gìn giữ, phát huy truyền thống Văn hóa Dân tộc tại địa phương.



của nhà nước tới cộng đồng dân cư tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động. Trong 9 tháng đầu năm các đơn vị, địa phương đã tập trung làm tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị và các nội dung về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, tàng trữ mua bán pháo, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống thiên tai, tuyên truyền xoá bỏ hủ tục lạc hậu, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng dân tộc thiểu số, phòng chống bạo lực gia đình... Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thực hiện tuyên truyền trên xe lưu động được 51 buổi, 1.437 buổi chiếu phim lưu động phục vụ 158.212 lượt người nghe và xem. Đội Tuyên truyền lưu động cấp huyện tích cực ứng dụng chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền tại cơ sở, tổ chức tuyên truyền được trên 900 buổi (đạt 75% kế hoạch năm 2024), phục vụ khoảng trên 500.000 lượt người nghe và xem<sup>17</sup>.

*Công tác tổ chức lễ hội:* Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Nâng cao chất lượng và phát triển các Lễ hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2030 theo Quyết định số 1476/QĐUBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các tiểu ban giúp việc, triển khai dàn dựng kịch bản chi tiết, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về sân khấu, hậu trường tổ chức thành công Lễ hội Văn hóa, du lịch ẩm thực quốc tế - Hà Giang lần thứ I năm 2024. Phối hợp với các địa phương tổ chức thành công các lễ hội : Lễ hội Chợ Phong lưu Khâu Vai huyện Mèo Vạc năm 2024; Lễ hội Khèn Mông huyện Đồng Văn lần thứ IX năm 2024;.. Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Tuần Văn hóa du lịch “Qua miền di sản ruộng bậc thang Hoàng Su Phì” năm 2024 và đón nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Nghệ thuật trình diễn dân gian hát Páo Dung của dân tộc Dao tỉnh Hà Giang.

*Hoạt động thể thao:* Tiếp tục thực hiện đề án về phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2016- 2026; thường xuyên duy trì đảm bảo quân số, xây dựng kế hoạch tham gia tập huấn và thi đấu các giải do trung ương tổ chức. Xây dựng kế hoạch tập huấn đội tuyển chuẩn bị lực lượng tham gia Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ X năm 2026. Trình tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức và điều chỉnh thời gian tổ chức giải marathon “Chạy trên cung đường Hạnh Phúc” năm 2024. Trong 9 tháng đầu năm 2024 đã cử vận động viên tham gia 14 giải do Trung ương tổ chức, đạt 43 huy chương các loại<sup>18</sup>. Hướng dẫn các địa phương tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tổ chức Lễ phát động cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân” năm 2024. Tổ chức thành công 09 giải<sup>19</sup>, phối hợp tổ chức 10 giải<sup>20</sup>, tham gia 02 giải do Trung ương tổ chức, kết quả đạt 35 huy chương các loại<sup>21</sup>.

<sup>17</sup> Riêng trong tháng 9, tuyên truyền được 106 buổi, phục vụ khoảng 59.000 lượt người.

<sup>18</sup> Trong đó 06 huy chương vàng, 08 huy chương bạc và 29 huy chương đồng.

<sup>19</sup> Giải cầu lông chào mừng năm mới 2024 và Đại hội Liên đoàn cầu lông tỉnh Hà Giang khóa I, nhiệm kỳ 2024 - 2029; Giải Việt dã tỉnh; Giải Quần vợt cúp các câu lạc bộ; Giải bóng bàn cúp các câu lạc bộ; Giải Vô địch bóng đá (7 người); Giải Cầu lông các câu lạc bộ - Tranh cúp Thành công, giải thể thao dân tộc thiểu số (dự án 6), giải Vô địch bóng chuyền, giải Pickleball.

<sup>20</sup> Phối hợp Bộ chỉ huy Biên phòng tổ chức giải Bóng chuyền; Giải Bóng chuyền hơi trong nữ công nhân, viên chức, lao động kỷ niệm 114 năm Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3/1910 - 8/3/2024); Phối hợp với Sở Y tế tổ chức 03 giải (bóng bàn chào mừng 69 năm thành lập ngành Y tế; giải bóng chuyền hơi, giải Pickleball); Phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo tổ chức Hội khỏe phù đồng tỉnh Hà Giang lần thứ IX năm 2024; Phối hợp với Công an tỉnh tổ chức

## 5. Hoạt động y tế

Trong 9 tháng đầu năm 2024, ngành Y tế chỉ đạo các bộ phận và đơn vị trực thuộc chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn. Thực hiện kết nối với các bệnh viện Trung ương để tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án khám chữa bệnh từ xa, góp phần giúp cho người dân trong tỉnh được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng, đẩy mạnh tiến độ triển khai cập nhật hồ sơ sức khỏe hộ gia đình, đặc biệt lưu ý tại các xã khó khăn, xã biên giới....

Các đơn vị y tế tiếp tục tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra, truyền thông... phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm tại khu vực trọng điểm; Tình hình bệnh Bạch hầu cơ bản đã được kiểm soát, các dịch bệnh truyền nhiễm khác trong 9 tháng ổn định; Hoạt động giám sát, phòng chống dịch bệnh và các bệnh không lây nhiễm phổ biến khác... tiếp tục được tăng cường. Trong 9 tháng đầu năm 2024, có 01 bệnh nhân Sốt rét, xét nghiệm lam sốt rét 18.712; Bệnh nhân lao các thể được phát hiện 326; Bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới phát hiện 338; Bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học được điều trị khỏi 138; Lao phổi AFB âm tính 28; Lao ngoài phổi 101; Lao/HIV 01 ca; Số lam xét nghiệm đờm 1.326; Bệnh nhân tâm thần mới phát hiện 102; Số bệnh nhân tâm thần đang quản lý và điều trị ổn định 2.159 (Tâm thần phân liệt 740; Rối loạn tâm thần 646; Động kinh 760; Trầm cảm 13). Bệnh nhân thu hồi bệnh án 09; Tử vong 03; Chuyển đi 09. Số người bệnh phong đang được quản lý là 46. Một số bệnh truyền nhiễm như: Bạch hầu dương tính mới 05 ca, nghi nhiễm 28 người, tử vong 01 ca; Đại 01 ca/tử vong 01 ca; Cúm mùa 10.567; Lỵ amip 20; Lỵ trực trùng 06; Quai bị 13; Tay chân miệng 32; Thủy đậu 417; Tiêu chảy 4.412; Viêm gan vi rút khác 10...

Mạng lưới khám chữa bệnh các tuyến được củng cố, ổn định và phát triển, đảm bảo thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng chính sách, KCB BHYT, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn tỉnh. Trong 9 tháng đầu năm 2024, thực hiện khám chữa bệnh chung cho 836.693 lượt người (Khám tại bệnh viện và phòng khám khu vực 568.326; Khám tại xã 268.367). Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú 163.136 lượt người với tổng số ngày điều trị nội trú 1.082.748. Số bệnh nhân tử vong tại bệnh viện 26. Tổng số xét nghiệm 3.316.767. Tổng số siêu âm 225.071. Tổng số chụp Xquang 252.255.

Công tác tiêm chủng tiếp tục triển khai thực hiện, trong 9 tháng đầu năm đã thực hiện tiêm chủng cho 7.680/14.631 trẻ dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin, đạt 52,49% kế hoạch. Số trẻ đánh giá được bảo vệ phòng UVSS là 6.449 trẻ; Số trẻ được tiêm nhắc vacxin sởi MR là 10.527; Tiêm nhắc vacxin DPT 8.560; Số phụ nữ có thai được tiêm phòng UV2 là 4.000.

02 giải (Việt dã trong lực lượng vũ trang và giải bóng chuyền hơi); Phối hợp với Liên đoàn Cầu lông tổ chức giải Cầu lông kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2024); Phối hợp với Tỉnh đoàn tổ chức giải Bơi Thanh thiếu nhi.

<sup>21</sup> Giải thể thao người khuyết tật toàn quốc đạt 33 huy chương (3 HCV, 12 HCB, 18 HCD); Giải Cầu lông Cầu lạc bộ các tỉnh, thành, ngành toàn quốc 2024 - tranh cúp Thành Công đạt 02 HCD.

Công tác an toàn thực phẩm luôn thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo đảm về y tế (phòng chống dịch, ATTP, chăm sóc y tế...) tại các Lễ hội, sự kiện do tỉnh tổ chức. Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đảm bảo vệ sinh ATTP và phòng chống ngộ độc, đặc biệt là việc phòng chống ngộ độc tập thể, ngộ độc do rau rừng, nấm hoang dại. Trong 9 tháng đầu năm trên địa bàn toàn tỉnh có 04 vụ ngộ độc với 31 người mắc, không có trường hợp tử vong. Số mắc/100.000 dân là 3,3; nguyên nhân chủ yếu ăn Nấm dại, quả Hồng Châu và ăn tại bếp ăn tập thể.

## **6. Trật tự - an toàn giao thông**

Từ ngày 16/8 đến 15/9/2024 đã xảy ra 07 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng làm 08 người chết và 02 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2023 giảm 02 vụ tai nạn, tăng 01 người chết, giảm 08 người bị thương. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, toàn tỉnh xảy ra 65 vụ tai nạn giao thông, làm chết 54 người, bị thương 35 người. So với 9 tháng năm 2023 số vụ tai nạn giao thông giảm 09 vụ, số người chết tăng 05 người và số người bị thương giảm 28 người.

Trong 9 tháng đầu năm 2024 lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 34.072 trường hợp vi phạm an toàn khi tham gia giao thông (ô tô 6.584 trường hợp, mô tô 27.488 trường hợp), so với 9 tháng năm đầu năm 2023 tăng 11.677 trường hợp lực lượng chức năng đã tiến hành tạm giữ 3.132 phương tiện, tạm giữ giấy tờ xe và GPLX 3.295 trường hợp, tước giấy phép lái xe có thời hạn 3.926 trường hợp. Tổng số tiền phạt do vi phạm giao thông nộp Kho bạc Nhà nước 27,8 tỷ đồng, tăng 11,1 tỷ đồng so với năm trước.

## **7. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường**

- **Tình hình cháy, nổ:** Trong kỳ (từ ngày 16/8/2024 đến 15/9/2024) trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy, nổ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 vụ cháy (03 vụ cháy nhà, 01 vụ cháy siêu thị, 12 vụ cháy rừng) làm 03 người chết, ước giá trị thiệt hại về tài sản do cháy gây ra khoảng 6.303 triệu đồng và 23,5 ha rừng bị thiệt hại. So với 8 tháng đầu năm 2023, số vụ cháy giảm 07 vụ; số người chết do cháy, nổ gây ra tăng 03 người; số người bị thương giảm 01 người; diện tích rừng bị thiệt hại do cháy giảm 13,1 ha; giá trị thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra tăng 1.947 triệu đồng.

- **Công tác bảo vệ môi trường:** Theo kết quả tổng hợp báo cáo từ Chi cục bảo vệ môi trường và Công an tỉnh trong tháng toàn tỉnh phát hiện 04 vụ vi phạm về môi trường, cơ quan chức năng đã tiến hành xử lý 02 vụ vi phạm với tổng số tiền phạt 20 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước giảm 06 vụ phát hiện, giảm 08 vụ xử lý và số tiền xử phạt giảm 8,0 triệu đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024 đã phát hiện 93 vụ vi phạm môi trường, đã tiến hành xử lý 89 vụ với tổng số tiền xử phạt vi phạm là 1.249 triệu đồng. So với 9 tháng đầu năm 2023 số vụ vi phạm giảm 05 vụ, số vụ xử lý tăng 18 vụ, số tiền xử phạt giảm 218 triệu đồng.

## 8. Tình hình thiên tai

Trong tháng 9/2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 đợt thiên tai do mưa lớn trên diện rộng gây thiệt hại về tài sản của nhà nước và nhân dân. Theo kết quả tổng hợp báo cáo của Ban chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, thiên tai làm chết 5 người và 3 bị thương; 28 ngôi nhà sập và 508 nhà bị hư hỏng; 14 trường học và 6 điểm trường bị hư hỏng. Tổng diện tích lúa bị thiệt hại 1.194 ha; diện tích ngô bị thiệt hại 2.582,2 ha, diện tích hoa màu bị thiệt hại 149,3 ha; cây lâm nghiệp bị thiệt hại 140,2 ha và 64,9 ha thủy sản bị thiệt hại; 226 con gia súc và 6.415 con gia cầm bị chết. Khối lượng đất đá sạt lở trên các tuyến đường quốc lộ khoảng 7.500 m<sup>3</sup>; đường tỉnh lộ 6.500 m<sup>3</sup>; đường huyện liên xã, thôn 192.600 m<sup>3</sup>; 08 công trình thủy lợi và 02 công trình cấp nước bị thiệt hại... Ước tính giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra khoảng 148,6 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ thiên tai tăng 01 vụ, giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra tăng 132,6 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm toàn tỉnh xảy ra 17 vụ thiên tai, ước giá trị thiệt hại 418,9 tỷ đồng. So với 9 tháng đầu năm 2023, số vụ thiên tai tăng 07 vụ, giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra tăng 345,8 tỷ đồng.

**Khái quát lại:** Chín tháng đầu năm 2024, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh trong việc triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; cùng với sự đoàn kết, đồng lòng của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh tiếp tục phục hồi chủ yếu là nhờ sự cải thiện đáng kể của khối ngành dịch vụ với điểm sáng là hoạt động du lịch khi lượng khách du lịch tăng mạnh tác động tích cực đến hoạt động thương mại dịch vụ; sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ổn định; thu ngân sách đạt khá; công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và chuyển đổi số được tập trung đẩy mạnh; các chính sách, chế độ về an sinh xã hội, lao động và giải quyết việc làm được thực hiện nghiêm túc, kịp thời và đầy đủ; .... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn khó khăn: sản xuất công nghiệp phục hồi chậm, chịu nhiều tác động từ biến động cung cầu; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chưa cao; kim ngạch xuất khẩu đạt thấp... Để phấn đấu đạt mục tiêu cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024, Cục Thống kê Hà Giang đề xuất một số giải pháp chủ yếu như sau:

*Một là,* Tiếp tục thực hiện tốt chăm sóc cây trồng hàng năm và cây lâu năm; theo dõi sát diễn biến thời tiết, tình hình dịch bệnh, chủ động tập trung hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông lâm nghiệp năm 2024. Tập trung phát triển chuỗi hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm. Chú trọng chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là về giống, công nghệ sinh học. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

Triển khai các biện pháp và hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Thực hiện các giải pháp kiểm soát dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, không để dịch lây lan và bùng phát trên diện rộng.

*Hai là*, Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. Kịp thời theo dõi, nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất. Tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận các gói chính sách hỗ trợ của Nhà nước, tiếp cận nguồn vốn vay, giảm lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ... Chỉ đạo hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ các dự án đã đăng ký trên địa bàn sớm đi vào hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp điện và công nghiệp khai khoáng. Triển khai thực hiện tốt chính sách khuyến công, tiếp tục hỗ trợ tháo gỡ khó khăn để dần phục hồi sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng, đảm bảo duy trì hoạt động các nhà máy khai thác khoáng sản đang vận hành. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách khuyến công, áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất; Khuyến khích các cơ sở sản xuất chế biến nông lâm sản cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm chế biến chủ lực như: chè, ván ép, đá xây dựng, bê tông tươi và sản phẩm bê tông đúc sẵn...

*Ba là*, Quyết liệt triển khai nhanh, hiệu quả các nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia nhất là Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT 178) GD I từ Km0-Km27, tập trung nhiều giải pháp đẩy nhanh dự án Khu liên hợp thể thao và văn hoá tỉnh Hà Giang và các dự án đầu tư nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội... Chủ động tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án trong quá trình thực hiện; làm tốt công tác đôn đốc GPMB, nhất là các dự án có tổng mức đầu tư lớn cũng như đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa cao trong đó tập trung vào các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm đưa vào hoạt động để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

*Bốn là*, Cải tiến việc xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại có hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức tốt hoạt động kết nối cung - cầu hàng hóa với các tỉnh, thành phố. Duy trì và tăng cường hội đàm với Trung Quốc để đẩy mạnh các hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh. Nắm bắt sát tình hình thị trường giá cả, cung cầu hàng hóa, diễn biến thị trường, quản lý chặt chẽ giá cả trên thị trường.

*Năm là*, Tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến đầu tư về du lịch gắn với đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong và ngoài nước. Mặt khác tiếp tục

phối hợp với các đơn vị, địa phương kêu gọi các dự án đầu tư phát triển hạ tầng du lịch; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng các Làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); tổ chức khảo sát tư vấn cho các làng văn hóa về phát triển làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới và giữ gìn văn hóa tín ngưỡng truyền thống.

*Sáu là*, Tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; tập trung khai thác, phát triển các nguồn thu tiềm năng trên các lĩnh vực, địa bàn, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ, du lịch. Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ bán đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan, chống thất thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, kiên quyết không để xảy ra tình trạng thất thu.

*Bảy là*, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh nhất là ở tuyến cơ sở, phát triển mô hình bác sỹ gia đình, đưa cán bộ, bác sỹ về công tác tại cơ sở và thực hiện chế độ luân chuyển hợp lý. Khuyến khích xã hội hóa, kêu gọi đầu tư các bệnh viện, các cơ sở y tế bằng nhiều nguồn vốn. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là các chuyên khoa như tim mạch, nội tiết, ung thư...; nâng cao tinh thần phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo chuyển biến căn bản mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế; đổi mới phương pháp dạy và học, khuyến khích tinh thần tự học, năng lực tư duy và vận dụng sáng tạo của học sinh.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang tổng hợp báo cáo ./.

***Nơi nhận:***

- Vụ TH - TCTK ;
- Vụ TKQG - TCTK;
- VP Tỉnh uỷ;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở KH - ĐT;
- LĐ CTK;
- Chi cục Thống kê các huyện/TP;
- Lưu VT.

**CỤC TRƯỞNG**

**Trần Vĩnh Nội**

## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 9

Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>DT gieo trồng cây hàng năm (Ha)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa đông xuân	9.426,9	9.285,6	98,50
Lúa mùa	28.210,0	28.338,9	100,46
<b>Các loại cây khác</b>			
Ngô	53.778,0	53.208,4	98,94
Khoai lang	1.296,9	1.353,6	104,37
Đậu tương	12.469,2	11.890,4	95,36
Lạc	9.022,3	8.910,9	98,76
Rau các loại	11.401,3	11.768,7	103,22
Đậu các loại	2.768,6	2.763,5	99,82
<b>Sản lượng thu hoạch (Tấn)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa đông xuân	54.355,7	53.872,4	99,11
Lúa mùa	19.993,8	20.220,1	101,13
<b>Các loại cây khác</b>			
Ngô	157.105,1	163.962,3	104,36
Khoai lang	6.001,1	6.376,1	106,25
Đậu tương	7.064,9	7.490,3	106,02
Lạc	14.663,3	15.197,6	103,64
Rau các loại	89.351,0	98.399,1	110,13
Đậu các loại	1.779,6	1.820,1	102,27

## 2. Sản phẩm chăn nuôi 9 tháng

Chỉ tiêu	Thực	Ước	Ước	So với cùng kỳ	
	hiện	tính	tính	năm trước (%)	
	6 tháng	Quý III	9 tháng	6 tháng	Quý III
	đầu năm	năm	năm	năm	năm
	2024	2024	2024	2024	2024
<b>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)</b>					
Thịt lợn	24.256,3	8.493,3	32.749,6	110,04	111,87
Thịt trâu	2.937,0	997,3	3.934,3	90,60	101,04
Thịt bò	2.728,1	1.060,2	3.788,3	104,67	104,80
Thịt gia cầm	6.889,4	3.088,2	9.977,6	112,49	108,51
<b>Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác</b>					
Trứng (Nghìn quả)	24.383,5	16.373,8	40.757,3	101,43	104,89
Sữa (Tấn)	-	-	-	-	-



### 3. Kết quả sản xuất lâm nghiệp

Chỉ tiêu	Thực	Ước	Ước	So với cùng kỳ	
	hiện	tính	tính	năm trước (%)	
	6 tháng	Quý III	9 tháng	6 tháng	Quý III
	đầu năm	năm	năm	năm	năm
	2024	2024	2024	2024	2024
Diện tích rừng trồng mới tập trung (Ha)	1.600,0	1.191,5	2.791,5	78,20	259,80
Sản lượng gỗ khai thác ( Nghìn m <sup>3</sup> )	96,2	49,2	145,4	95,22	103,31
Sản lượng củi khai thác (Nghìn Ster)	727,8	315,1	104,3	108,04	96,06
Diện tích rừng bị thiệt hại (Ha)	31,4	0,4	31,8	84,42	57,71
Cháy rừng (Ha)	23,5	-	23,5	64,21	-
Chặt, phá rừng (Ha)	7,9	0,4	8,3	1.317,50	57,71

#### 4. Sản lượng thủy sản

**ĐVT: Tấn**

Chi tiêu	Thực	Ước	Ước	So với cùng kỳ	
	hiện	tính	tính	năm trước (%)	
	6 tháng	Quý III	9 tháng	6 tháng	Quý III
	đầu năm	năm	năm	năm	năm
	2024	2024	2024	2024	2024
<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>1.434,4</b>	<b>614,2</b>	<b>2.048,6</b>	<b>104,18</b>	<b>104,07</b>
Cá	1.414,6	595,8	2.010,4	103,97	104,00
Tôm	10,5	8,0	18,6	118,01	106,35
Thủy sản khác	9,2	10,4	19,6	126,30	105,91
<b>Sản lượng thủy sản nuôi trồng</b>	<b>1.359,3</b>	<b>535,9</b>	<b>1.895,2</b>	<b>104,27</b>	<b>103,74</b>
Cá	1.349,4	532,4	1.881,8	104,04	103,64
Tôm	2,6	0,6	3,1	213,00	168,57
Thủy sản khác	7,4	2,9	10,3	133,94	115,08
<b>Sản lượng thủy sản khai thác</b>	<b>75,1</b>	<b>78,3</b>	<b>153,4</b>	<b>102,57</b>	<b>106,34</b>
Cá	65,2	63,4	128,6	102,48	107,15
Tôm	8,0	7,5	15,4	103,27	103,33
Thủy sản khác	1,8	7,5	9,3	102,78	102,74

## 5. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Chi tiêu	<i>ĐVT: %</i>			
	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 9	9 tháng
	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024
	so với	so với	so với	so với
	cùng kỳ	tháng 8	cùng kỳ	cùng kỳ
	năm trước	năm báo cáo	năm trước	năm trước
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>119,47</b>	<b>95,99</b>	<b>113,79</b>	<b>110,72</b>
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>				
<b>Khai khoáng</b>	<b>126,40</b>	<b>118,58</b>	<b>194,06</b>	<b>62,83</b>
Khai thác quặng kim loại	138,60	128,64	224,97	59,61
Khai khoáng khác	77,78	47,15	52,97	98,37
<b>Công nghiệp chế biến , chế tạo</b>	<b>103,46</b>	<b>97,00</b>	<b>97,69</b>	<b>98,65</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	98,44	102,15	97,84	107,72
Sản xuất đồ uống	10,62	124,95	13,17	29,62
Dệt	78,26	111,11	57,14	46,32
Sản xuất trang phục	99,65	109,13	99,96	95,20
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	115,66	92,23	107,44	105,88
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	42,06	40,00	18,00	61,19
In, sao chép bản ghi các loại	162,59	81,97	83,57	123,07
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	99,95	107,56	91,41	101,88
Sản xuất kim loại	-	52,98	-	148,93
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	104,58	106,34	106,91	100,87
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	104,46	103,41	106,59	102,74
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt</b>	<b>123,07</b>	<b>95,15</b>	<b>115,96</b>	<b>121,01</b>
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	123,07	95,15	115,96	121,01
<b>Cung cấp nước; quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>99,57</b>	<b>100,12</b>	<b>100,31</b>	<b>97,25</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	98,37	100,03	99,07	95,90
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	101,38	100,26	102,20	99,16

## 6. Chỉ số sản xuất công nghiệp các quý năm 2024

**ĐVT: %**

Chỉ tiêu	Thực hiện quý I	Thực hiện quý II	Ước tính quý III
	năm 2024	năm 2024	năm 2024
	so với cùng kỳ	so với cùng kỳ	so với cùng kỳ
	năm trước	năm trước	năm trước
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>88,82</b>	<b>109,22</b>	<b>121,12</b>
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>			
<b>Khai khoáng</b>	<b>22,60</b>	<b>80,56</b>	<b>127,80</b>
Khai khoáng	18,16	78,75	134,75
Khai thác quặng kim loại	122,66	95,68	84,38
<b>Công nghiệp chế biến , chế tạo</b>	<b>110,69</b>	<b>89,88</b>	<b>97,71</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	125,76	106,48	97,77
Sản xuất đồ uống	59,51	14,56	10,97
Dệt	18,18	85,71	73,75
Sản xuất trang phục	89,83	96,42	99,57
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	157,27	82,28	101,21
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	55,01	86,38	44,35
In, sao chép bản ghi các loại	119,97	113,67	131,82
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	116,42	103,38	89,29
Sản xuất kim loại	-	190,72	-
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	98,62	98,74	104,85
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	107,14	168,42	93,75
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt</b>	<b>96,09</b>	<b>125,80</b>	<b>126,43</b>
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	96,09	125,80	126,43
<b>Cung cấp nước; quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>94,46</b>	<b>97,30</b>	<b>99,91</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	92,28	96,49	98,72
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	97,42	98,45	101,70

**7. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu  
tháng 9 và 9 tháng năm 2024**

Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng 8 năm 2024	Ước tính tháng 9 năm 2024	Cộng dồn 9 tháng năm 2024	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 9 năm 2024	9 tháng năm 2024
<b>Tên sản phẩm</b>						
(Theo ngành sản phẩm)						
1. Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung	Tấn	13.938	13.947	95.469	-	42,71
2. Đá xây dựng các loại	M <sup>3</sup>	12.621	7.473	148.768	56,73	90,09
3. Chè	Tấn	850	670	4.405	150,00	134,94
4. Ván ép	M <sup>3</sup>	5.812	5.506	37.457	121,70	110,21
5. Bột giấy các loại	Tấn	145	58	1.632	18,00	61,19
6. Sản phẩm in (quy khổ 13x19 cm)	Tr.trang	19	16	106	83,57	123,07
7. Cấu kiện làm sẵn cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng, bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo	Tấn	1.150	1.117	8.797	109,83	94,92
8. Bê tông trộn sẵn ( bê tông tươi)	M <sup>3</sup>	2.106	2.800	36.320	79,82	146,96
9. Mangan và sản phẩm của mangan	Tấn	1.133	600	4.731	-	148,93
10. Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M <sup>2</sup>	1.505	1.621	12.919	118,45	96,20
11. Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa khác chưa được phân vào đâu	Chiếc	10	10	40	-	-
12. Điện sản xuất	Triệu kwh	530	503	2.381	115,77	121,68
13. Điện thương phẩm	Triệu kwh	56	57	444	123,34	107,96
14. Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	333	333	2.772	99,07	95,90
15. Rác thải đa thu gom- xử lý	Triệu đồng	939	941	8.416	102,20	99,16

## 8. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu các quý năm 2024

Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	Thực hiện	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)		
		quý I năm 2024	quý II năm 2024	quý III năm 2024	Quý I năm 2024	Quý II năm 2024	Quý III năm 2024
<b>Tên sản phẩm</b>							
(Theo ngành sản phẩm)							
1. Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung	Tấn	13.275	40.121	42.073	9,96	53,64	272,38
2. Đá xây dựng các loại	M <sup>3</sup>	46.843	61.106	40.819	111,90	96,16	76,80
3. Chè	Tấn	509	1.895	2.001	110,51	176,99	115,46
4. Ván ép	M <sup>3</sup>	14.243	8.964	14.250	191,01	70,91	102,61
5. Bột giấy các loại	Tấn	514	718	400	55,01	86,38	44,35
6. Sản phẩm in (quy khổ 13x19 cm)	Tr.trang	26	31	49	119,97	113,67	131,82
7. Cấu kiện làm sẵn cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng, bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo	Tấn	2.231	3.209	3.358	65,81	107,08	116,53
8. Bê tông trộn sẵn ( bê tông tươi)	M <sup>3</sup>	12.000	16.038	8.282	-	120,58	72,56
9. Mangan và sản phẩm của mangan	Tấn	-	1.511	3.220	-	190,72	-
10. Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M <sup>2</sup>	3.514	4.648	4.756	75,71	107,30	106,76
11. Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa khác chưa được phân vào đâu	Chiếc	-	-	40	-	-	-
12. Điện sản xuất	Triệu kwh	314	537	1.531	96,46	127,09	126,58
13. Điện thương phẩm	Triệu kwh	123	150	171	92,44	109,40	121,31
14. Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	857	934	981	92,28	96,48	98,72
15. Rác thải đa thu gom- xử lý	Triệu đồng	2.777	2.824	2.815	97,42	98,45	101,70

## 9. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành các quý năm 2024

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chi tiêu	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	So với cùng kỳ năm trước (%)		
	quý II năm 2024	quý III năm 2024	9 tháng năm 2024	Quý II năm 2024	Quý III năm 2024	9 tháng năm 2024
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.786,3</b>	<b>3.695,0</b>	<b>10.907,4</b>	<b>105,11</b>	<b>94,47</b>	<b>105,92</b>
Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước	1.317,3	1.168,4	3.517,6	77,63	65,83	74,54
Vốn trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-	-
Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch NN	0,2	0,1	0,8	44,83	-	214,59
Vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực Nhà nước)	25,7	28,0	91,5	263,08	-	698,18
Vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước (Vốn tự có)	17,5	21,4	103,3	128,99	46,52	152,55
Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân	2.035,9	1.971,0	6.230,4	130,23	106,83	130,12
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	0,1	-	0,1	1,35	-	0,19
Vốn huy động khác	389,7	506,1	963,8	123,91	206,07	140,98

**10. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý  
tháng 9 và 9 tháng năm 2024**

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 8 năm 2024	Ước tính tháng 9 năm 2024	Cộng dồn 9 tháng 9 tháng năm 2024	<i>ĐVT: Tỷ đồng</i>	
				9 tháng năm 2024 so với kế hoạch năm 2024 (%)	9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>379,6</b>	<b>381,8</b>	<b>3.457,7</b>	<b>68,11</b>	<b>77,00</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>221,7</b>	<b>223,0</b>	<b>2.014,3</b>	<b>63,94</b>	<b>71,00</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	118,0	118,1	1.022,3	68,10	134,14
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	73,3	73,9	775,2	79,07	45,63
Vốn nước ngoài (ODA)	20,4	21,0	142,1	26,72	52,00
Xổ số kiến thiết	1,6	1,6	13,5	61,28	88,34
Vốn khác	8,4	8,4	61,3	53,18	69,94
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>151,1</b>	<b>151,8</b>	<b>1.395,0</b>	<b>72,42</b>	<b>89,54</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	18,8	18,8	147,4	60,14	59,38
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	132,4	133,0	1.247,6	74,21	95,25
Vốn khác	-	-	-	-	-
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>6,8</b>	<b>6,9</b>	<b>48,3</b>	<b>-</b>	<b>50,73</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	3,1	3,1	21,6	-	55,93
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	3,7	3,8	26,7	-	47,19
Vốn khác	-	-	-	-	-



**11. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước  
do địa phương quản lý các quý năm 2024**

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chi tiêu	Thực hiện	Thực hiện	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)		
	quý I	quý II	quý III	Quý I	Quý II	Quý III
	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024	năm 2024
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.008,6</b>	<b>1.296,7</b>	<b>1.152,3</b>	<b>82,79</b>	<b>79,70</b>	<b>70,05</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>577,6</b>	<b>762,8</b>	<b>673,9</b>	<b>73,00</b>	<b>73,06</b>	<b>67,28</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	289,0	378,4	354,9	125,98	134,25	141,49
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục	233,7	313,3	228,2	50,89	49,83	37,35
Vốn nước ngoài (ODA)	35,5	45,3	61,2	46,29	46,51	61,84
Xổ số kiến thiết	3,8	4,8	4,9	91,95	100,88	76,66
Vốn khác	15,5	21,1	24,7	71,58	66,93	71,65
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>420,4</b>	<b>516,6</b>	<b>458,0</b>	<b>102,06</b>	<b>94,17</b>	<b>76,65</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	39,5	51,2	56,7	77,41	53,38	55,98
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	380,9	465,4	401,3	105,55	102,81	80,88
Vốn khác	-	-	-	-	-	-
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>10,6</b>	<b>17,3</b>	<b>20,4</b>	<b>69,98</b>	<b>50,43</b>	<b>44,57</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	4,8	7,7	9,1	78,83	52,11	51,33
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	5,9	9,6	11,2	64,14	49,16	40,26
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

## 12. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Chi tiêu	Thực hiện tháng 8 năm 2024	Ước tính tháng 9 năm 2024	Cộng dồn 9 tháng năm 2024	<i>DVT: Tỷ đồng</i>	
				So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 9 2024	9 tháng 2024
<b>Tổng số</b>	<b>1.575,3</b>	<b>1.699,2</b>	<b>14.180,7</b>	<b>115,77</b>	<b>117,38</b>
<b>Phân theo ngành kinh tế</b>					
1. Thương nghiệp	1.250,5	1.356,9	11.222,6	116,46	116,56
2. Lưu trú	22,7	25,5	222,8	118,56	126,39
3. Ăn uống	212,7	218,5	1.956,5	112,37	121,22
4. Du lịch lữ hành	1,5	2,5	20,5	104,75	121,43
5. Dịch vụ	87,9	95,8	758,3	113,70	117,34

### 13. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Chi tiêu	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	So với cùng kỳ	
	tháng 8	tháng 9	9 tháng	năm trước (%)	
	năm	năm	năm	Tháng 9	9 tháng
	2024	2024	2024	2024	2024
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.250,5</b>	<b>1.356,9</b>	<b>11.222,6</b>	<b>116,46</b>	<b>116,56</b>
<b><i>Phân theo nhóm hàng</i></b>					
1. Lương thực, thực phẩm	425,7	438,6	3.774,8	118,29	117,84
2. Hàng may mặc	113,3	120,5	982,4	109,70	112,98
3. Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	120,4	138,4	1.136,6	111,36	116,80
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	37,7	38,7	212,0	105,35	121,13
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	263,1	289,3	2.186,8	133,01	118,20
6. Ô tô các loại	13,7	16,0	178,8	100,26	104,63
7. Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	34,4	37,8	315,2	102,98	129,49
8. Xăng, dầu các loại	155,8	172,5	1.557,1	102,36	112,03
9. Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	23,4	24,5	230,4	103,05	115,19
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1,9	2,1	22,1	112,71	149,25
11. Hàng hóa khác	32,4	47,3	363,7	139,91	120,91
12. Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	28,7	31,3	262,8	122,93	110,86

## 14. Doanh thu bán lẻ hàng hóa các quý năm 2024

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)		
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý I	Quý II	Quý III
	năm	năm	năm	năm	năm	năm
	2024	2024	2024	2024	2024	2024
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.699,4</b>	<b>3.710,4</b>	<b>3.812,8</b>	<b>120,16</b>	<b>116,89</b>	<b>112,98</b>
<i>Phân theo nhóm hàng</i>						
1. Lương thực, thực phẩm	1.257,8	1.236,6	1.280,3	115,42	120,70	117,57
2. Hàng may mặc	317,6	322,9	342,0	127,35	109,87	104,80
3. Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	396,3	362,0	378,3	119,65	121,40	110,06
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	39,5	65,0	107,5	111,65	158,73	108,93
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	647,7	745,8	793,3	122,30	117,08	116,07
6. Ô tô các loại	78,7	56,4	43,8	132,90	78,31	110,24
7. Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	116,4	91,2	107,6	160,02	119,97	113,66
8. Xăng, dầu các loại	510,4	560,4	486,3	110,74	122,30	103,29
9. Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	84,4	75,1	70,9	123,39	113,00	108,82
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	10,8	5,1	6,2	194,06	128,10	117,82
11. Hàng hóa khác	132,4	120,8	110,4	136,94	106,80	121,43
12. Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	107,5	69,1	86,2	134,30	76,81	128,56

**15. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành  
và dịch vụ khác tháng 9 và 9 tháng năm 2024**

***ĐVT: Tỷ đồng***

Chỉ tiêu	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	So với cùng kỳ năm trước (%)	
	tháng 8	tháng 9	9 tháng	Tháng 9	9 tháng
	2024	2024	2024	2024	2024
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>235,5</b>	<b>244,0</b>	<b>2.179,3</b>	<b>112,99</b>	<b>121,73</b>
Dịch vụ lưu trú	22,7	25,5	222,8	118,56	126,39
Dịch vụ ăn uống	212,7	218,5	1.956,5	112,37	121,22
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>1,5</b>	<b>2,5</b>	<b>20,5</b>	<b>104,75</b>	<b>121,43</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>87,9</b>	<b>95,8</b>	<b>758,3</b>	<b>113,70</b>	<b>117,34</b>

**16. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành  
và dịch vụ khác các quý năm 2024**

Chỉ tiêu	<i><b>DVT: Tỷ đồng</b></i>					
	Thực hiện	Thực hiện	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)		
	quý I	quý II	quý III	Quý I	Quý II	Quý III
	năm	năm	năm	năm	năm	năm
	2024	2024	2024	2024	2024	2024
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>771,5</b>	<b>715,7</b>	<b>692,1</b>	<b>122,40</b>	<b>123,03</b>	<b>119,68</b>
Dịch vụ lưu trú	79,3	74,6	68,9	130,07	127,13	121,67
Dịch vụ ăn uống	692,2	641,1	623,2	121,58	122,57	119,46
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>8,5</b>	<b>6,4</b>	<b>5,6</b>	<b>159,90</b>	<b>110,23</b>	<b>97,10</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>244,4</b>	<b>248,8</b>	<b>265,1</b>	<b>122,18</b>	<b>118,05</b>	<b>112,60</b>

## 17. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 năm 2024

Chỉ tiêu	Tháng 9 năm báo cáo so với				Bình quân	Bình quân
	Kỳ gốc	Tháng 9 năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng 8 năm 2024	quý III năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	9 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	2019					
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	<b>111,83</b>	<b>102,21</b>	<b>100,96</b>	<b>99,92</b>	<b>102,82</b>	<b>103,30</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	111,86	102,08	101,72	100,58	102,43	102,33
Trong đó: Lương thực	131,02	110,22	101,54	100,35	111,34	111,79
Thực phẩm	108,25	100,98	102,10	100,74	101,25	100,88
Ăn uống ngoài gia đình	113,13	99,92	99,95	100,00	99,99	100,83
Đồ uống và thuốc lá	120,84	102,74	101,90	100,00	102,47	101,01
May mặc, mũ nón và giày dép	110,55	102,80	101,50	100,67	101,88	101,00
Nhà ở và vật liệu xây dựng	127,27	113,05	105,12	99,84	114,04	116,75
Thiết bị và đồ dùng gia đình	114,33	99,69	100,13	99,89	99,31	99,07
Thuốc và dịch vụ y tế	112,91	109,49	100,11	100,00	109,47	109,25
Giao thông	99,09	92,24	95,73	97,16	96,08	98,50
Bưu chính viễn thông	97,75	98,37	98,36	100,18	98,10	97,91
Giáo dục	122,05	101,29	101,26	101,24	100,82	101,64
Văn hoá, giải trí và du lịch	88,76	97,21	98,11	98,71	97,98	98,30
Hàng hóa và dịch vụ khác	120,27	103,06	101,21	100,11	103,10	103,68
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>200,96</b>	<b>137,22</b>	<b>128,17</b>	<b>101,91</b>	<b>136,45</b>	<b>130,01</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>106,52</b>	<b>101,51</b>	<b>101,46</b>	<b>98,18</b>	<b>104,55</b>	<b>105,40</b>

*ĐVT: %*

## 18. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 9 và 9 tháng năm 2024

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 8 năm 2024	Ước tính tháng 9 năm 2024	Ước tính 9 tháng 9 tháng 2024	Tháng 9 năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	9 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>84,5</b>	<b>85,9</b>	<b>727,2</b>	<b>114,74</b>	<b>119,35</b>
<b>1. Vận tải hành khách</b>	<b>31,1</b>	<b>31,2</b>	<b>265,9</b>	<b>114,43</b>	<b>118,54</b>
Đường bộ	28,9	28,9	236,7	121,87	123,77
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	2,2	2,2	29,3	63,75	88,36
<b>2. Vận tải hàng hóa</b>	<b>52,4</b>	<b>53,7</b>	<b>450,5</b>	<b>115,26</b>	<b>119,82</b>
Đường bộ	52,4	53,7	450,5	115,26	119,82
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>3. Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>0,7</b>	<b>0,7</b>	<b>8,3</b>	<b>89,51</b>	<b>120,18</b>
Đường bộ	0,7	0,7	8,3	89,51	120,18
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>4. Bưu chính chuyển phát</b>	<b>0,3</b>	<b>0,3</b>	<b>2,4</b>	<b>130,10</b>	<b>119,10</b>
Đường bộ	0,3	0,3	2,4	130,10	119,10
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-



## 19. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải các quý năm 2024

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chi tiêu	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)		
	quý I năm	quý II năm	quý III năm	Quý I năm	Quý II năm	Quý III năm
	2024	2024	2024	2024	2024	2024
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>238,5</b>	<b>239,3</b>	<b>249,4</b>	<b>121,21</b>	<b>120,26</b>	<b>116,78</b>
<b>1. Vận tải hành khách</b>	<b>85,8</b>	<b>90,1</b>	<b>90,0</b>	<b>119,27</b>	<b>119,41</b>	<b>117,00</b>
Đường bộ	74,0	79,3	83,4	123,72	123,59	123,97
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	11,7	10,9	6,7	97,2	95,7	68,8
<b>2. Vận tải hàng hóa</b>	<b>148,4</b>	<b>145,8</b>	<b>156,3</b>	<b>122,57</b>	<b>120,24</b>	<b>116,94</b>
Đường bộ	148,4	145,8	156,3	122,57	120,24	116,94
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-	-
<b>3. Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>3,5</b>	<b>2,7</b>	<b>2,1</b>	<b>113,21</b>	<b>160,20</b>	<b>99,02</b>
Đường bộ	3,5	2,7	2,1	113,21	160,20	99,02
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-	-
<b>4. Bru chính chuyển phát</b>	<b>0,8</b>	<b>0,7</b>	<b>0,9</b>	<b>119,45</b>	<b>121,54</b>	<b>116,75</b>
Đường bộ	0,8	0,7	0,9	119,45	121,54	116,75
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-	-

## 20. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Chi tiêu	Thực hiện tháng 8 năm 2024	Ước tính tháng 9 năm 2024	Ước tính 9 tháng 9 tháng 2024	Tháng 9 năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	9 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>406,7</b>	<b>408,9</b>	<b>3.170,0</b>	<b>117,60</b>	<b>118,28</b>
Đường bộ	376,7	379,0	2.779,8	123,57	118,73
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	30,0	29,9	390,2	72,99	115,15
<b>II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)</b>	<b>57.519,0</b>	<b>59.407,8</b>	<b>429.654,8</b>	<b>118,31</b>	<b>118,56</b>
Đường bộ	57.302,8	59.196,1	426.519,2	118,63	118,49
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	216,2	211,7	3.135,6	67,59	128,45
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>334,5</b>	<b>343,8</b>	<b>2.919,5</b>	<b>113,37</b>	<b>120,82</b>
Đường bộ	334,5	343,8	2.919,5	113,37	120,82
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>	<b>13.587,8</b>	<b>15.076,5</b>	<b>126.942,4</b>	<b>114,77</b>	<b>119,80</b>
Đường bộ	13.587,8	15.076,5	126.942,4	114,77	119,80
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-

## 21. Vận tải hành khách và hàng hoá các quý năm 2024

Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)		
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý I	Quý II	Quý III
	năm	năm	năm	năm	năm	năm
	2024	2024	2024	2024	2024	2024
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>						
<b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>985,1</b>	<b>1.020,3</b>	<b>1.164,6</b>	<b>120,01</b>	<b>115,80</b>	<b>119,04</b>
Đường bộ	821,5	882,4	1.075,8	117,29	114,53	123,60
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	163,6	137,9	88,8	135,78	124,65	82,83
<b>II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)</b>	<b>119.916,0</b>	<b>142.923,9</b>	<b>166.814,9</b>	<b>120,85</b>	<b>119,03</b>	<b>116,57</b>
Đường bộ	118.470,7	141.884,2	166.164,3	120,43	118,94	116,77
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	1.445,3	1.039,7	650,6	169,20	132,16	81,30
<b>B. HÀNG HÓA</b>						
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>997,7</b>	<b>950,4</b>	<b>971,4</b>	<b>128,74</b>	<b>117,08</b>	<b>117,07</b>
Đường bộ	997,7	950,4	971,4	128,74	117,08	117,07
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-	-
<b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>	<b>42.626,5</b>	<b>44.092,0</b>	<b>40.223,9</b>	<b>122,46</b>	<b>122,15</b>	<b>114,72</b>
Đường bộ	42.626,5	44.092,0	40.223,9	122,46	122,15	114,72
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-	-

## 22. Trật tự, an toàn xã hội tháng báo cáo

Chi tiêu	Đơn vị tính	Sơ bộ báo cáo kỳ	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>						
<b>Số vụ tai nạn giao thông</b>	<b>Vụ</b>	<b>7</b>	<b>65</b>	<b>63,64</b>	<b>77,78</b>	<b>87,84</b>
Đường bộ	"	7	65	63,64	77,78	87,84
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
<b>Số người chết</b>	<b>Người</b>	<b>8</b>	<b>54</b>	<b>88,89</b>	<b>114,29</b>	<b>110,20</b>
Đường bộ	"	8	54	88,89	114,29	110,20
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
<b>Số người bị thương</b>	<b>Người</b>	<b>2</b>	<b>35</b>	<b>50,00</b>	<b>20,00</b>	<b>55,56</b>
Đường bộ	"	2	35	50,00	20,00	55,56
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b>						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	-	16	-	-	69,57
Số người chết	Người	-	3	-	-	-
Số người bị thương	Người	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước Tr. Đồng		-	6.303	-	-	144,83

## 23. Trật tự, an toàn xã hội các quý năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I 2024	Quý II 2024	Quý III 2024
<b>Tai nạn giao thông</b>				
<b>Tổng số vụ tai nạn giao thông</b>	<b>Vụ</b>	<b>23</b>	<b>21</b>	<b>21</b>
Đường bộ	"	23	21	21
Đường sắt	"	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-
<b>Số người chết</b>	<b>Người</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>
Đường bộ	"	18	18	18
Đường sắt	"	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-
<b>Số người bị thương</b>	<b>Người</b>	<b>20</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
Đường bộ	"	20	7	8
Đường sắt	"	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b>				
Số vụ cháy, nổ	Vụ	6	10	0
Số người chết	Người	1	2	0
Số người bị thương	"	0	0	0
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	6.303	0	0